

DỰ THẢO
06/3/2015

MẪU HỒ SƠ YÊU CẦU
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

*(Đính kèm theo Thông tư số: /2015/TT-BKHĐT
ngày tháng năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết
lập Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu và Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh)*

PHẦN 3

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG CẠNH TRANH THEO QUY TRÌNH THÔNG THƯỜNG

Tên gói thầu: _____

Gói thầu số: _____

Dự án: _____

[điền số hiệu, tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu]

Phát hành ngày: _____

[điền ngày phát hành hồ sơ yêu cầu cho nhà thầu]

Tư vấn lập HSYC
(nếu có)

Bên mời thầu

[Ghi tên, đóng dấu (nếu có)]

[Ghi tên, đóng dấu (nếu có)]

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
DVPTV	Dịch vụ phi tư vấn
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ đề xuất
ĐKHĐ	Điều kiện của hợp đồng
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63/CP	Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu
VNĐ	Đồng Việt Nam

PHẦN THỨ NHẤT
THỦ TỤC ĐẤU THẦU
CHƯƠNG I
CHỈ DẪN NHÀ THẦU

A. KHÁI QUÁT

Mục 1. Nội dung chào hàng

1. Tên chủ đầu tư là: _____ [*điền tên đầy đủ của chủ đầu tư*]
2. Tên Bên mời thầu là: _____ [*điền tên đầy đủ của Bên mời thầu*]
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu _____ [*điền tên đầy đủ của gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt*] thuộc dự án _____ [*điền tên dự án theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt*].
4. Thời gian thực hiện hợp đồng là: _____ ngày [*Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt*].
5. Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để thực hiện gói thầu: _____ [*Ghi rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn, thời gian cấp vốn để thanh toán cho nhà thầu; trường hợp sử dụng vốn ODA thì phải nêu rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn (ngoài nước, trong nước)*].
6. Phạm vi cung cấp
Phạm vi cung cấp _____ [*Ghi cụ thể phạm vi cung cấp là dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp*] bao gồm: _____ [*Ghi yêu cầu về số lượng/phạm vi cung cấp dịch vụ phi tư vấn đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, Ghi yêu cầu về số lượng/phạm vi cung cấp hàng hóa đối với gói thầu hàng hóa. Ghi yêu cầu về hạng mục công việc xây lắp đối với gói thầu xây lắp*].

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp là gói thầu xây lắp;

5. Nhà thầu tham dự thầu phải:

a) Không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với chủ đầu tư, Bên mời thầu _____ [*điền tên đầy đủ và địa chỉ của Chủ đầu tư, Bên mời thầu*], trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn;

b) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp;

c) Không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau:

+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán: _____ [*Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)*];

+ Tư vấn lập, thẩm định HSMT: _____ [*Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)*];

+ Tư vấn đánh giá HSĐT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu : _____ [*Ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)*];

6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;

7. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia¹.

Mục 3. Tính hợp lệ của hàng hóa, vật tư, thiết bị và các dịch vụ liên quan²

1. Tất cả hàng hóa, vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải nêu rõ ký hiệu, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa, vật tư, thiết bị. Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của hàng hóa, vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ.

2. “Xuất xứ của hàng hóa, vật tư, thiết bị” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa, vật tư, thiết bị hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa, vật tư, thiết bị trong trường hợp có nhiều

¹ Nội dung này chỉ được áp dụng sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết. Trong thời gian Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa ban hành văn bản hướng dẫn, các chủ đầu tư không được đưa nội dung đánh giá này vào trong phần đánh giá về tư cách hợp lệ của nhà thầu.

² Đối với gói thầu mua sắm cung cấp dịch vụ phi tư vấn thì không quy định nội dung này. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa thì bỏ nội dung “vật tư, thiết bị” trong Mục này. Đối với gói thầu xây lắp thì bỏ nội dung “hàng hóa” trong Mục này.

nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa, vật tư, thiết bị đó.

B. NỘI DUNG CỦA HSYC

Mục 4. Nội dung của HSYC

1. HSYC gồm có các phần 1, 2, 3, 4 và cùng với tài liệu sửa đổi, bổ sung HSYC theo quy định tại Mục 5 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

Phần 1. Thủ tục đấu thầu

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ và tiêu chuẩn đánh giá HSDX

Chương III. Biểu mẫu dự chào hàng

Phần 2. Yêu cầu về xây lắp

Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng

2. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSYC, tài liệu giải thích làm rõ HSYC hay các văn bản sửa đổi của HSYC theo quy định tại Mục 5 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Bên mời thầu. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do Bên mời thầu phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.

3. Thông báo mời chào hàng do Bên mời thầu phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSYC.

4. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị lập HSDX của mình bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSYC.

Mục 5. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu tối thiểu _____ ngày làm việc [*Ghi số ngày cụ thể, thông thường từ 03 ngày đến 05 ngày làm việc*] trước ngày có thời điểm đóng thầu. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà thầu, Bên mời thầu phải có văn bản làm rõ HSYC gửi cho nhà thầu có yêu cầu làm rõ HSYC và tất cả các nhà thầu khác đã nhận HSYC từ Bên mời thầu, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì Bên mời thầu phải tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi HSYC

a) Việc sửa đổi HSYC chỉ được thực hiện trước thời điểm đóng thầu thông qua việc phát hành văn bản sửa đổi HSYC.

b) Văn bản sửa đổi HSYC được coi là một phần của HSYC và phải được thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận HSYC từ Bên mời thầu trước thời điểm đóng thầu tối thiểu _____ ngày làm việc [*Ghi số ngày cụ thể, nhưng đảm bảo thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDX tối thiểu là 03 ngày làm việc. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC không đáp ứng quy định tại Khoản này, Bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC*]. Nhằm giúp nhà thầu có đủ thời gian hợp lý để sửa đổi HSDX, Bên mời thầu có thể quyết định gia hạn thời hạn nộp HSDX theo quy định tại Khoản 1 Mục 16 CDNT. Nhà thầu phải thông báo bằng văn bản cho Bên mời thầu là đã nhận được các tài liệu sửa đổi HSYC theo một trong những cách thức sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

C. CHUẨN BỊ HSDX

Mục 6. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi mua HSYC cho đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi hợp đồng có hiệu lực.

Mục 7. Thành phần của HSDX

HSDX do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các thành phần sau đây:

1. Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8 CDNT;
2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương III đối với trường hợp nhà thầu liên danh;
3. Bảo đảm dự thầu quy định tại Mục 13 CDNT;
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 10 CDNT;
5. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của hàng hóa, vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 11 CDNT;
6. Đề xuất kỹ thuật theo yêu cầu tại Mục 3 Chương II;
7. Giá chào và giảm giá quy định tại Mục 9 CDNT;
8. Các bảng biểu được điền đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 8 CDNT.

Mục 8. Đơn chào hàng và các bảng biểu

Đơn chào hàng và các bảng biểu phải thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại các mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu dự chào hàng.

Mục 9. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá chào được chào bằng đồng tiền Việt Nam. Giá chào trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá đề xuất ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá phải được để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Thư giảm giá được Bên mời thầu bảo quản như HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX. Trường hợp giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể về khối lượng, số lượng nêu trong tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) hoặc bảng tiên lượng (đối với gói thầu xây lắp). Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Nhà thầu không được đề xuất giảm giá cho các khoản mục tạm tính hoặc chi phí dự phòng.

3. Nhà thầu phải ghi đơn giá chào hàng và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) hoặc bảng tiên lượng (đối với gói thầu xây lắp). Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm về việc lập đơn giá chào hàng của mình. Trường hợp nhà thầu không điền đơn giá hoặc giá trong bảng chào hàng thì sẽ được coi là nhà thầu đã cộng gộp các chi phí của hạng mục này vào trong các hạng mục khác và nhà thầu sẽ không được thanh toán giá trị cho hạng mục mà nhà thầu không điền đơn giá hoặc không điền đơn giá này. Giá chào hàng của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Khi chào hàng, nhà thầu có thể chào riêng phần thuế, phí, lệ phí để Bên mời thầu xem xét; trường hợp nhà thầu không chào riêng thì Bên mời thầu hiểu rằng nhà thầu đã phân bổ các chi phí về thuế, phí, lệ phí vào trong các đơn giá dự chào hàng.

4. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép chào theo từng phần thì nhà thầu có thể chào hàng một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải chào hàng đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá, phải nêu rõ cách thức và giá trị giảm giá cho từng phần theo quy định tại Khoản 2 Mục 9 CDNT.

Mục 10. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu:

a) Đối với nhà thầu độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau _____/Nếu yêu cầu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà

thầu trên cơ sở phù hợp với yêu cầu tại Khoản 1 Mục 2 CDNT, ví dụ như bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được chứng thực...].

b) Đối với nhà thầu liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây:

- Các tài liệu nêu tại Điểm a Khoản này đối với từng thành viên trong liên danh;

- Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo quy định tại Khoản 2 Mục 7 CDNT.

2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu:

a) Các hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện được liệt kê theo Mẫu số 12 và Mẫu số 13 Chương III, năng lực tài chính của nhà thầu được liệt kê theo Mẫu số 11 Chương III. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu liên danh là tổng năng lực và kinh nghiệm của các thành viên trên cơ sở phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận, trong đó từng thành viên phải chứng minh năng lực và kinh nghiệm của mình là đáp ứng yêu cầu của HSYC cho phần việc được phân công thực hiện trong liên danh;

b) Các tài liệu khác chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu.

Mục 11. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và tính phù hợp của hàng hóa, vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan³

1. Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa (theo quy định tại Mục 3 của CDNT), ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa⁴.

Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa được cung cấp là phù hợp (đáp ứng) yêu cầu của HSYC, bao gồm:

[Căn cứ tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu chứng minh sự đáp ứng của hàng hóa dưới hình thức văn bản, bản vẽ và số liệu, chẳng hạn:

a) *Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hóa phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại....*

b) *Biểu tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu nêu tại...*

c) *Tài liệu về mặt kỹ thuật như tiêu chuẩn hàng hóa, tính năng, thông số kỹ thuật, thông số bảo hành của từng loại hàng hóa (kèm theo bản vẽ để mô tả nếu cần), Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác trong trường hợp hàng hóa cần gắn với trách nhiệm của nhà sản xuất*

³ Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn thì không quy định nội dung này. Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa thì bỏ nội dung “vật tư, thiết bị”. Đối với gói thầu xây lắp thì bỏ nội dung “hàng hóa”.

⁴ Đối với gói thầu xây lắp, gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn thì bỏ nội dung này.

trong việc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng như bảo hành, bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng, vật tư thay thế.

d) Các nội dung yêu cầu khác (nếu có).]

2. Các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị và tính hợp lệ của dịch vụ theo yêu cầu có thể bao gồm: ____ [*Căn cứ tính chất của gói thầu mà yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu chứng minh về xuất xứ của vật tư, thiết bị và dịch vụ bao gồm: Chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng, vận đơn, tài liệu kỹ thuật liên quan của vật tư thiết bị; tài liệu chứng minh tính hợp lệ của dịch vụ cung cấp cho gói thầu...]*⁵.

Mục 12. Thời gian có hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là ____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [*Ghi cụ thể số ngày nhưng tối đa là 180 ngày*]. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà thầu này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

Mục 13. Bảo đảm dự thầu

1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc (bằng tiền mặt hoặc séc). Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại Khoản 2 Mục này; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Khoản 5 Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên

⁵ Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn thì bỏ nội dung này

đanh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại Khoản 2 Mục này. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Khoản 5 Mục này thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

2. Nội dung và yêu cầu về bảo đảm dự thầu

a) Nội dung bảo đảm dự thầu

Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: _____ [*Ghi cụ thể giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định giá trị bảo đảm dự thầu từ 1% đến 1,5% giá gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, cần quy định rõ giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần.*]

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: _____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. [*Ghi rõ số ngày được xác định bằng toàn bộ thời gian có hiệu lực của HSDX quy định tại Mục 12 CDNT cộng thêm 30 ngày*].

3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Khoản 2 Mục này, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là _____ ngày [*Ghi rõ số ngày, nhưng không quá 20 ngày*], kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

5. Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDX sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 66 Luật Đấu thầu;

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 14. Quy cách HSDX và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và _____ bản chụp [*Ghi số lượng yêu cầu nhưng không quá 05 bản*] theo nội dung quy định tại Mục 7 Chương này. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì hồ sơ đề xuất của nhà thầu bị loại.

2. Bản gốc của HSDX phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn chào hàng, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX, biểu giá và các biểu mẫu khác tại Chương III phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên hoặc người được ủy quyền hợp pháp, trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương III hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực... và được nộp cùng với HSDX. Tên và chức vụ của người ký văn bản ủy quyền phải được đánh máy hoặc in bên dưới chữ ký.

3. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để đảm bảo tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về mặt pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

D. NỘP VÀ MỞ HSDX

Mục 15. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDX

1. Túi đựng HSDX bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDX, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDX thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDX, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”. Các túi đựng: HSDX, HSDX sửa đổi (nếu có), HSDX thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.

2. Trên các túi đựng hồ sơ phải:

- a) Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;
- b) Ghi tên người nhận là Bên mời thầu theo quy định tại Khoản 2 Mục 1 CDNT;
- c) Ghi tên gói thầu theo quy định tại Khoản 3 Mục 1 CDNT;
- d) Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước giờ, ngày mở thầu” theo quy định tại Khoản 1 Mục 16 CDNT.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSYC như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDX theo hướng dẫn tại Khoản 1 và 2 Mục này. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà thầu không thực hiện đúng chỉ dẫn tại Khoản 1 và 2 Mục này.

Mục 16. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX

1. Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải đảm bảo Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Ghi thời điểm đóng thầu, đảm bảo quy định thời gian từ khi phát hành HSYC đến thời điểm đóng thầu tối thiểu là 05 ngày làm việc*]. Bên mời thầu tiếp nhận HSDX của tất cả nhà thầu nộp HSDX trước thời điểm hết hạn nộp HSDX, kể cả trường hợp nhà thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSYC trực tiếp từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSYC thì nhà thầu phải trả cho bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSYC trước khi HSDX được tiếp nhận.

Bên mời thầu có thể gia hạn thời hạn nộp HSDX trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDX hoặc khi sửa đổi HSYC theo Khoản 2 Mục 5 CDNT hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi bên mời thầu xét thấy cần thiết.

2. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm đóng thầu, trừ tài liệu nhà thầu gửi đến để làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu hoặc tài liệu làm rõ, bổ sung nhằm chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu. Bất kỳ HSDX nào mà Bên mời thầu nhận được sau khi hết hạn nộp HSDX được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng.

3. Sau khi nộp, nhà thầu có thể rút, thay thế hoặc sửa đổi HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, kèm theo nội

dùng thay thế hoặc sửa đổi HSDX. Trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền hợp lệ theo Mẫu số 2 Chương III. Mọi thông báo phải được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho bên mời thầu theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “THAY THẾ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT” hoặc “RÚT HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”. Bên mời thầu phải nhận được thông báo này của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định Khoản 1 Mục này và Bên mời thầu phải thông báo cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu đó bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc email.

HSDX mà nhà thầu yêu cầu rút lại sẽ được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDX sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDX mà nhà thầu đã ghi trong đơn chào hàng hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDX.

Mục 17. Mở thầu

1. Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to các thông tin theo Khoản 3 Mục này của tất cả HSDX đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. HSDX của nhà thầu có văn bản đề nghị rút HSDX đã nộp và HSDX của nhà thầu nộp sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai vào lúc _____ giờ, phút _____, ngày _____ tháng _____ năm _____, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ _____ [*Ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu*].

2. Việc mở thầu được thực hiện trước sự chứng kiến của đại diện của nhà thầu, Bên mời thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu.

3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc to tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá chào, giá trị giảm giá (nếu có) ghi trong đơn chào hàng và giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, thời gian có hiệu lực của HSDX; giá trị, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu; thời gian thực hiện hợp đồng;

c) Các nội dung đề xuất về biểu giá và biểu khối lượng, số lượng phải được các đại diện của Bên mời thầu tham dự trong lễ mở thầu ký tất. Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở thầu (trừ các hồ sơ nộp muộn theo Khoản 2 Mục 16 CDNT).

4. Bên mời thầu phải lập Biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin nêu tại Khoản 3 Mục này. Đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của một nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho

biên bản mật ý nghĩa và mật hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

E. ĐÁNH GIÁ HSDX VÀ THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

Mục 18. Bảo mật

1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDX và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được phép tiết lộ thông tin trong HSDX của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.

2. Trừ trường hợp làm rõ HSDX theo quy định tại Mục 19 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDX của mình cũng như liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian kể từ thời điểm mở thầu đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 19. Giải thích, làm rõ HSDX

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của Bên mời thầu. Tất cả các yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và phản hồi của nhà thầu phải được thực hiện bằng văn bản. Trường hợp HSDX của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDX của nhà thầu, việc làm rõ phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào. Nhà thầu phải thông báo cho Bên mời thầu về việc đã nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSDX bằng một trong những cách sau: gửi văn bản trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

2. Trường hợp nhà thầu phát hiện HSDX của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi tài liệu đến Bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Thời gian nhà thầu được tự gửi tài liệu để làm rõ đến Bên mời thầu là: ___ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [*căn cứ vào thời gian đánh giá, tiến độ của dự án, gói thầu mà Bên mời thầu quy định thời gian nhà thầu được tự gửi tài liệu làm rõ cho phù hợp để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.*]

Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX. Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà thầu bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện, fax hoặc e-mail.

3. Việc làm rõ HSDX chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDX cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDX phải được Bên mời thầu bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ, nếu nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì HSDX không được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 20. Sửa lỗi số học, hiệu chỉnh sai lệch

1. Sửa lỗi số học

a) Với điều kiện HSDX đáp ứng căn bản HSYC, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

- Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào hàng. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, nếu có sai lệch giữa đơn giá với thành tiền của một hạng mục (thành tiền của hạng mục được tính bằng cách nhân đơn giá với khối lượng) thì đơn giá sẽ có ý nghĩa quyết định và thành tiền của hạng mục sẽ được sửa lại; trừ trường hợp phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại. Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền.

- Các lỗi khác:

+ Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Khoản 2 Mục này;

+ Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;

+ Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam;

+ Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

+ Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

+ Nếu có sự khác nhau giữa số tiền ghi bằng số và số tiền ghi bằng chữ thì số tiền ghi bằng chữ sẽ có ý nghĩa quyết định; trường hợp số tiền ghi bằng chữ có liên quan đến một lỗi sai chính tả thì khi đó, số tiền ghi bằng số sẽ có ý nghĩa quyết định.

b) Sau khi sửa lỗi, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu

biết về việc sửa lỗi đối với HSDX của nhà thầu theo quy định tại điểm a Khoản này. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

2. Hiệu chỉnh sai lệch

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà thầu này; trường hợp HSDX của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào hàng chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn chào hàng.

c) Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên mời thầu phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDX của nhà thầu; trong văn bản chỉ thông báo về khối lượng có sai lệch mà không nêu việc áp đơn giá để hiệu chỉnh sai lệch cho phần khối lượng đó. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên mời thầu, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên mời thầu về việc chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận khối lượng sai lệch theo thông báo của Bên mời thầu thì HSDX của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 21. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. Nguyên tắc ưu đãi

a) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các HSDX xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên cho nhà thầu có đề xuất chi phí trong nước cao hơn hoặc sử dụng nhiều lao động địa phương hơn (tính trên giá trị tiền lương, tiền công chi trả);

b) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu thuộc đối tượng được hưởng nhiều hơn một loại ưu đãi thì khi tính ưu đãi chỉ được hưởng một loại ưu đãi cao nhất theo quy định của HSYC;

c) Trường hợp sau khi tính ưu đãi, nếu các HSDX xếp hạng ngang nhau thì ưu

tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu.

2. Đối tượng được hưởng ưu đãi bao gồm:

HSDX của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ thuộc đối tượng hưởng ưu đãi được xếp hạng cao hơn HSDX của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp HSDX của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau.

3. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDX để so sánh, xếp hạng HSDX. Nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của nhà thầu đó để so sánh, xếp hạng.

Mục 22. Đánh giá HSDX

Bên mời thầu sẽ áp dụng các tiêu chí và phương pháp được liệt kê trong Mục này để đánh giá các HSDX. Không được phép sử dụng bất kỳ tiêu chí hay phương pháp đánh giá nào khác. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

a) Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II.

b) Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

a) Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương II;

b) Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá về kỹ thuật.

3. Đánh giá về kỹ thuật

Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với HSDX đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được xem xét, đánh giá về tài chính.

4. So sánh giá chào

a) Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Mục 20 CDNT;

b) Bên mời thầu so sánh giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của các HSDX đáp ứng về kỹ thuật để xác định HSDX có giá chào

thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và không vượt giá gói thầu sẽ được xếp thứ nhất và mời vào thương thảo hợp đồng.

5. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần theo quy định tại Khoản 4 Mục 9 CDNT thì việc đánh giá HSDX thực hiện theo quy định tại Chương II.

Mục 23. Thương thảo hợp đồng

1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:

- a) Báo cáo đánh giá HSDX;
- b) HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà thầu;
- c) HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSYC mà chỉ tiến hành thương thảo đối với các sai lệch;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện khối lượng mời thầu nêu trong bảng tiên lượng mời thầu thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu phải bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu.

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với sai lệch thiếu đó. Trường hợp chỉ có duy nhất nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì việc thương thảo hợp đồng đối với sai lệch thiếu căn cứ vào mức đơn giá chào thầu trong HSDX của nhà thầu này (nếu đơn giá đó thấp hơn đơn giá trong dự toán); căn cứ vào mức đơn giá trong dự toán (nếu đơn giá đó cao hơn đơn giá trong dự toán).

4. Nội dung thương thảo hợp đồng

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi;

c) Thương thảo về nhân sự⁶:

Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDX để đảm nhiệm các vị trí chủ nhiệm thiết kế, chủ nhiệm khảo sát (đối với gói thầu cung cấp hàng hóa có yêu cầu nhà thầu phải thực hiện một hoặc hai bước thiết kế trước khi thi công), vị trí chỉ huy trường công trường, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDX kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá chào;

d) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện.

6. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu

Mục 24. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II;
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương II;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Mục 25. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

⁶ Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp, hàng hóa hoặc dịch vụ phi tư vấn có yêu cầu đặc biệt về nhân sự.

1. Trong thời hạn _____ ngày làm việc [*Ghi cụ thể số ngày, nhưng tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*], Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên nhà thầu và địa chỉ hiện tại của nhà thầu trúng thầu;
 - b) Giá trúng thầu;
 - c) Loại hợp đồng;
 - d) Thời gian thực hiện hợp đồng;
 - đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;
 - e) Thời điểm bắt đầu giải tỏa bảo lãnh dự thầu cho các nhà thầu không trúng thầu;
 - g) Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng đối với nhà thầu trúng thầu.
2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 26 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.

Mục 26. Hủy thầu

1. Bên mời thầu chỉ được thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:
- a) Tất cả HSDX không đáp ứng được các yêu cầu của HSYC;
 - b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSYC;
 - c) HSYC không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;
 - d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.
2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Mục này thì phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.
3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Khoản 1 Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Khoản 1 Mục này.

G. HOÀN THIỆN, KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Mục 27. Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều kiện ký kết hợp đồng:

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực của nhà thầu quy định ở Chương II. Kết quả xác minh khẳng định là nhà thầu vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói thầu thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong HSYC thì nhà thầu sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ quyết định hủy quyết định trúng thầu trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 28. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh, biên bản thương thảo hợp đồng, HSDX, HSYC và các tài liệu liên quan khác. Trong trường hợp liên danh, hợp đồng được ký kết phải bao gồm chữ ký của tất cả các thành viên liên danh.

Mục 29. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc bằng Séc. Trường hợp nhà thầu sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải sử dụng Mẫu số 18 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Mục 30. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả chào hàng và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật Đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: _____ [*Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ*].

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: _____ [*Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ*].

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: ____ [*Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ*].

CHƯƠNG II
TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ
VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

1.1. Kiểm tra HSDX

a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDX;

b) Kiểm tra các thành phần của HSDX, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn chào hàng (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; giá chào hàng và các thành phần khác thuộc HSDX theo quy định tại Mục 7 CDNT;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX

HSDX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc HSDX;

b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;

d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

đ) Thời hạn hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu theo quy định của HSYC;

e) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của HSYC. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNT; đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc bằng séc thì Bên mời thầu sẽ quản lý séc đó theo quy định tại Mục 13 CNDT;

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

h) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện;

i) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

k) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 của Chương I.

Nhà thầu có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá về năng lực và kinh nghiệm. Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3 Chương này. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Mục 2.1, 2.2 và 2.3 Chương này.

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu. Đối với gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được đánh giá tương ứng với phần mà nhà thầu tham dự thầu.

2.1 Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm

Việc đánh giá năng lực tài chính và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp	
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			Giấy tờ cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Một thành viên liên danh	
1. Năng lực tài chính							
1.1	Doanh thu bình quân hàng năm ⁽¹⁾	Doanh thu bình quân hàng năm là _____ VND, trong vòng _____ năm trở lại đây.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 11
1.2	Tình hình tài chính lành mạnh ⁽²⁾	Nhà thầu phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính lành mạnh. Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu về tình hình tài chính					Mẫu số 11

		lành mạnh. (a) Trong vòng __ năm nhà thầu hoạt động không bị lỗi trong thời gian yêu cầu báo cáo về tình hình tài chính (b) Nhà thầu thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.					
2. Kinh nghiệm							
2.1	Kinh nghiệm chung trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa) hoặc kinh nghiệm thi công xây dựng (đối với gói thầu xây lắp)	Kinh nghiệm trong các hợp đồng mà nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý ⁽⁶⁾ hoặc nhà thầu phụ trong thời gian tối thiểu là _____ ⁽⁷⁾ năm trở lại đây, tính từ ngày 1 tháng 1 năm _____ ⁽⁸⁾	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2.2	Kinh nghiệm cụ thể trong quản lý và thực hiện hợp đồng tương	(i) Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ⁽⁹⁾ theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽¹⁰⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên	phải thỏa mãn yêu cầu	phải đáp ứng yêu cầu	phải đáp ứng trên cơ sở phù hợp với phần công việc đảm nhận trong liên danh	Không áp dụng	Mẫu số 13

	<p>tự⁽⁴⁾</p>	<p>liên danh)⁽¹¹⁾, nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian từ ngày 1 tháng 1 năm _____⁽¹²⁾ đến thời điểm đóng thầu</p> <p>(i) số lượng hợp đồng là N, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V;</p> <p>(ii) số lượng hợp đồng ít hơn hoặc bằng N, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V và tổng giá trị tất cả các hợp đồng lớn hơn hoặc bằng $N \times V$; [điền các giá trị N & V, xóa đoạn (ii) ở trên nếu không áp dụng].</p> <p>Đối với nhà thầu liên danh thì kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng kinh nghiệm của các thành viên liên danh, tuy nhiên kinh nghiệm của mỗi thành viên chỉ xét theo phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận trong liên danh.</p> <p>Đối với gói thầu chia phần, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được đánh giá tương ứng với phần công việc mà nhà thầu tham dự thầu</p>					
--	-------------------------	--	--	--	--	--	--

Ghi chú

Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định nội dung chi tiết về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu cho phù hợp.

(1) Đối với yêu cầu về doanh thu:

- Thời gian yêu cầu thông thường là 2-3 năm. Trong một số trường hợp có thể quy định 1-2 năm để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới thành lập.

- Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu trung bình hàng năm:
Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu / số năm thực hiện hợp đồng

Trường hợp thời gian thực hiện hợp đồng dưới 1 năm thì áp dụng công thức:
Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu trung bình hàng năm = Giá gói thầu

- Đối với trường hợp nhà thầu liên danh, việc đánh giá tiêu chuẩn về doanh thu của từng thành viên liên danh căn cứ vào giá trị, khối lượng do từng thành viên đảm nhiệm.

(2) (3) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1-3 năm.

(4) Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thông thường từ 1 đến 3 hợp đồng tương tự. Đối với nhà thầu liên danh thì kinh nghiệm của liên danh được tính là tổng kinh nghiệm của các thành viên liên danh, tuy nhiên kinh nghiệm của mỗi thành viên chỉ xét theo phạm vi công việc mà mỗi thành viên đảm nhận trong liên danh.

Hợp đồng tương tự là hợp đồng trong đó công việc hoặc hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn, xây lắp có các tính chất tương tự với gói thầu đang xét, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng đối với dịch vụ phi tư vấn hoặc hàng hóa của gói thầu đang xét.

- Tương tự về bản chất và độ phức tạp: có cùng loại và cấp công trình tương tự hoặc cao hơn cấp công trình yêu cầu cho gói thầu xây lắp này theo quy định của pháp luật về xây dựng.

- Tương tự về quy mô công việc: có giá trị công việc bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị công việc của gói thầu đang xét.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

2.2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp

a) Nhân sự

- Nhân sự chủ chốt:

Nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

TT	Vị trí công việc ⁽¹⁾	Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu __ năm)	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu __ năm)
1			

2			
3			

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các mẫu số 05-A, 05-B Chương III.

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về nhân sự chủ chốt như chỉ huy trưởng công trình, chủ nhiệm kỹ thuật thi công, chủ nhiệm thiết kế bản vẽ thi công, đội trưởng thi công, giám sát kỹ thuật, chất lượng và số năm kinh nghiệm tối thiểu của nhân sự chủ chốt đó cho phù hợp... Yêu cầu đối với các vị trí nhân sự chủ chốt phải tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng.

b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu⁽¹⁾

Nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói thầu theo yêu cầu sau đây:

TT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 9 Chương III.

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp.

2.2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực sản xuất và kinh doanh gói thầu mua sắm hàng hóa

TT	Nội dung đánh giá	Yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đạt
1	Số lượng, chủng loại, doanh thu đối với các sản phẩm sản xuất, kinh doanh chính trong thời gian ____ [Ghi số năm] ^(*) năm gần đây	
2	Tổng số lao động, trong đó số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ có liên quan đến việc thực hiện gói thầu	
3	Các nội dung khác (nếu có).	

(*): Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thời gian yêu cầu thông thường là 3 năm. Trong một số trường hợp có thể quy định 1-2 năm để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới thành lập.

2.2.3. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực cung cấp và kinh doanh gói thầu dịch vụ phi tư vấn

TT	Nội dung đánh giá	Yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đạt
1	Danh mục sản phẩm kinh doanh, doanh thu đối với các sản phẩm kinh doanh chính trong thời gian ____ [Ghi số năm] ^(*) năm gần đây	
2	Tổng số lao động, trong đó số lượng và trình độ chuyên môn của cán bộ có liên quan đến việc thực hiện gói thầu	
3	Các nội dung khác (nếu có).	

(*): Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu và tình hình thực tế của ngành, địa phương để quy định cho phù hợp. Thời gian yêu cầu thông thường là 3 năm. Trong một số trường hợp có thể quy định 1-2 năm để khuyến khích sự tham gia của các nhà thầu mới thành lập.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm⁷, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn tổng quát (nếu thấy cần thiết). Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm. HSDX có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát, nếu có yêu cầu) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về giá.

Trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt⁸, căn cứ tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. HSDX được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

3.1. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung về khả năng đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ thiết kế, mô tả công việc mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và các yêu cầu khác nêu trong HSYC. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập HSYC phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Các biện pháp bảo đảm chất lượng;
- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó;
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết khi sử dụng phương pháp chấm điểm. Căn cứ vào quy mô tính chất của gói

⁷ Trường hợp đánh giá theo phương pháp theo tiêu chí đạt/không đạt thì bỏ quy định ở nội dung này.

⁸ Trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm thì bỏ quy định ở nội dung này.

thầu mà quy định các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật cho phù hợp bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Khả năng cung cấp tài chính (nếu có yêu cầu);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó;

- Các yếu tố cần thiết khác.

3.3. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và quy định tại các Khoản 3.1 và 3.2 Mục này để xác định tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cho phù hợp.

Mục 4. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần (nếu có)

Nếu gói thầu được chia thành nhiều phần theo quy định tại Khoản 5 Mục 22 CDNT thì Bên mời thầu cần nêu rõ điều kiện chào thầu, biện pháp và giá trị bảo đảm dự thầu cho từng phần hoặc nhiều phần và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Khi đó việc đánh giá sẽ được tiến hành như sau:

a) Việc đánh giá HSDX và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần;

c) Trường hợp có một phần hoặc nhiều phần thuộc gói thầu không có nhà thầu tham gia chào thầu hoặc không có nhà thầu đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC, chủ đầu tư báo cáo người có thẩm quyền để điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của gói thầu theo hướng tách các phần đó thành gói thầu riêng với giá gói thầu là tổng chi phí ước tính tương ứng của các phần; việc lựa chọn nhà thầu đối với các phần có nhà thầu

tham gia và được đánh giá đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật vẫn phải bảo đảm nguyên tắc đánh giá theo quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Trường hợp 01 nhà thầu trúng thầu tất cả các phần thì gói thầu có 01 hợp đồng. Trường hợp nhiều nhà thầu trúng thầu các phần khác nhau thì gói thầu có nhiều hợp đồng.

Các tiêu chí trao thầu trong trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần (nhiều hợp đồng)

- Nhà thầu có thể lựa chọn tham gia chào hàng cho một hoặc nhiều phần. HSDX sẽ được đánh giá theo phần và có xét đến đề nghị giảm giá (nếu có) cho nhiều phần kết hợp. Hợp đồng sẽ được trao cho nhà thầu nào chào giá thấp nhất cho các phần kết hợp và đáp ứng các yêu cầu năng lực **sơ tuyển** cho phần đó hoặc các phần kết hợp đó.

- Tiêu chí đánh giá về năng lực trong trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần (nhiều hợp đồng):

Chương II mô tả các tiêu chí năng lực cho từng phần khi gói thầu gồm nhiều phần. Các tiêu chí năng lực là yêu cầu gộp tối thiểu của các phần tương ứng theo quy định ở đoạn 2.1, 2.2, 3.2(a) và 3.2(b). Tuy nhiên, đối với kinh nghiệm cụ thể theo quy định ở đoạn 3.2(a) Chương II thì Bên mời thầu sẽ lựa chọn một hoặc một số phương án trong số các phương án nêu dưới đây:

N là số lượng hợp đồng tối thiểu;

V là giá trị tối thiểu của một hợp đồng.

a) Với một phần (một hợp đồng):

Phương án lựa chọn 1:

N hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V.

Phương án lựa chọn 2:

(i) N hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V;

(ii) ít hơn hoặc bằng N hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V, nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải bằng hoặc lớn hơn $N \times V$.

b) Với nhiều phần (nhiều hợp đồng)

Phương án lựa chọn 1:

(i) Yêu cầu tối thiểu cho các hợp đồng kết hợp sẽ là yêu cầu gộp cho từng hợp đồng mà nhà thầu đã nộp HSDT như mô tả ở dưới và N1, N2, N3, ... sẽ là các hợp đồng khác nhau:

Lô 1: N1 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V1;

Lô 2: N2 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V2;

Lô 3: N3 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V3;

Phương án lựa chọn 2:

(i) Yêu cầu tối thiểu cho các hợp đồng kết hợp sẽ là yêu cầu gộp cho từng hợp đồng mà nhà thầu đã nộp HSDT như mô tả ở dưới, và N1, N2, N3... sẽ là các hợp đồng khác nhau:

Lô 1: N1 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V1;

Lô 2: N2 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V2;

Lô 3: N3 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V3;

...

hoặc

(ii) Lô 1: N1 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V1 hoặc số lượng hợp đồng ít hơn hoặc bằng N1, giá trị tối thiểu của mỗi hợp đồng là V1, nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải lớn hơn hoặc bằng $N1 \times V1$.

Lô 2: N2 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V2 hoặc số lượng hợp đồng ít hơn hoặc bằng N2, giá trị tối thiểu của mỗi hợp đồng là V2, nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải lớn hơn hoặc bằng $N2 \times V2$.

Lô 3: N3 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V3 hoặc số lượng hợp đồng ít hơn hoặc bằng N3, giá trị tối thiểu của mỗi hợp đồng là V3, nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải lớn hơn hoặc bằng $N3 \times V3$.

...

Phương án lựa chọn 3:

(i) Yêu cầu tối thiểu cho các hợp đồng kết hợp sẽ là yêu cầu gộp cho từng hợp đồng mà nhà thầu đã nộp HSDT như mô tả ở dưới và N1, N2, N3... sẽ là các hợp đồng khác nhau:

Lô 1: N1 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V1;

Lô 2: N2 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V2;

Lô 3: N3 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V3;

...

hoặc

(ii) Lô 1: N1 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V1; hoặc số lượng hợp đồng ít hơn hoặc bằng N1, giá trị tối thiểu của mỗi hợp đồng là V1, nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải lớn hơn hoặc bằng $N1 \times V1$.

Lô 2: N2 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V2 hoặc số lượng hợp đồng ít hơn hoặc bằng N2, giá trị tối thiểu của mỗi hợp đồng là V2, nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải lớn hơn hoặc bằng $N2 \times V2$.

Lô 3: N3 hợp đồng, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V3 hoặc số lượng hợp đồng ít hơn hoặc bằng N3, giá trị tối thiểu của mỗi hợp đồng là V3, nhưng tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải lớn hơn hoặc bằng $N3 \times V3$.

...

hoặc

(iii) Giá trị tối thiểu của mỗi hợp đồng trong mỗi lô vẫn theo quy định ở đoạn (ii) ở trên nhưng tổng số lượng hợp đồng phải ít hơn hoặc bằng $N1 + N2 + N3 + \dots$ và tổng giá trị tất cả các hợp đồng phải lớn hơn hoặc bằng $N1 \times V1 + N2 \times V2 + N3 \times V3 + \dots$

.....
.....
.....

Mục 5. Xác định giá chào

Sử dụng phương pháp giá thấp nhất để so sánh giá chào HSDX của các nhà thầu. Cách xác định giá chào thấp nhất được xác định theo Bảng dưới đây cho phù hợp:

Bước 1: Xác định giá chào

Bước 2: Sửa lỗi

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch

Bước 4: Giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có)

Bước 5: Giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có) có tính đến giá trị ưu đãi (nếu có)⁹

Bước 6: So sánh giữa các HSDX để xác định giá chào thấp nhất

⁹ Trường hợp đối với hàng hóa trong nước, hàng hóa sẽ được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 5 Nghị định 63/2014/NĐ-CP

Chương III. Biểu mẫu dự chào hàng

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn chào hàng)

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tình nguyện giảm giá chào với số tiền giảm giá là.....[ghi số tiền giảm giá, bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽²⁾.

Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

Chúng tôi cam kết những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu khi tham dự gói thầu này;

Chúng tôi cam kết không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 29 CDNT và Điều 3 Điều kiện của hợp đồng trong hồ sơ yêu cầu¹⁰.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽⁴⁾, kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁶⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Nhà thầu lưu ý điều đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có).

Ghi chú:

(1) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(2) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và Biểu tiến độ thi công nêu trong HSDX.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDX được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSYC. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 17 CDNT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

¹⁰ Trường hợp đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn hoặc mua sắm hàng hóa thì thay thế quy định này như sau: “Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 9 Dự thảo Hợp đồng”.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 8 Chương I. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của

đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH ⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]
 Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ ⁽²⁾ _____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác ____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thông nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹¹⁾:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ [Phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh]

Phải điền đầy đủ thông tin theo bảng dưới đây:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- -	-% - %
2	Tên thành viên thứ 2	- -	-% - %
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy đấu thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc dự án ____ [Ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

(10) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.*
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.*

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾**Bên thụ hưởng:***[điền tên và địa chỉ của Bên mời thầu]***Thông báo mời chào hàng số:** *[điền số trích yếu của thông báo mời chào hàng]***Ngày:** *[điền ngày phát hành]***BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** *[điền số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]***Bên bảo đảm:** *[điền tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng *[điền tên Nhà thầu]⁽²⁾* (sau đây sẽ gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án *[ghi tên dự án]* theo thông báo mời chào hàng số *[điền số trích yếu của thông báo mời chào hàng]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là _____ *[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____⁽³⁾ ngày kể từ ngày _____ tháng năm _____⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[ghi bằng chữ]* *[ghi bằng số]* khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

- a) Nhà thầu rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
- b) Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Khoản 1 Mục 26 CDNT;

c) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

d) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 29 CDNT;

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Khoản 5 Mục 26 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả đối với trường hợp nhà thầu là thành viên trong liên danh⁽⁵⁾.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng thầu: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh thông báo kết quả đấu thầu; trong vòng 20 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam

(2) Trường hợp nhà thầu liên danh dự thầu và các thành viên trong liên danh thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu hoặc một thành viên thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì thay thế quy định này như sau: “Chúng tôi cam kết sẽ chuyển ngay cho Bên mời thầu khoản tiền nêu trên khi Bên mời thầu có văn bản thông báo nhà thầu hoặc bất kỳ thành viên nào trong liên danh dự thầu với nhà thầu vi phạm các quy định về đấu thầu nêu trong HSYC.”

(3) Ghi theo quy định tại Khoản 2 Mục 13 CDNT.

(4) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 16 CDNT.

(5) Áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh.

Các biểu mẫu kê khai về nhân sự

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định ở Mục 2 (đánh giá về năng lực và kinh nghiệm) và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Nhà thầu phải kê khai theo các mẫu số 05-A, 05-B dưới đây:

Mẫu số 05-A

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

1.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2.	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
...	Vị trí công việc
	Tên

Đối với từng vị trí công việc nêu tại Mẫu này thì nhà thầu cần phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 05-B

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực của các văn bằng, chứng chỉ có liên quan. Các trường hợp thông tin có đánh dấu sao () sẽ được sử dụng khi đánh giá đề xuất kỹ thuật.*

Vị trí công việc*	
Thông tin cá nhân	Tên* Ngày sinh:
	Tên trường, ngành học, bằng cấp*
	Năng lực chuyên môn:
	Tổng số năm kinh nghiệm:
	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự:
Công việc hiện tại	Tên tổ chức/công ty đang làm việc:
	Công việc hiện tại đang đảm nhiệm:
	Địa chỉ nơi làm việc:
	Điện thoại: Liên hệ (quản lý/cán bộ nhân sự)
	Fax: E-mail:
	Chức danh: Số năm làm việc tại tổ chức/công ty hiện tại:

Các biểu mẫu kê khai về biểu giá

Mẫu số 06 A

Biểu giá chào hàng hóa và lịch hoàn thành (Được áp dụng đối với gói thầu hàng hóa)

Hạng mục chính số/Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ, hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Thời gian giao hàng	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá chào hàng	Tổng giá của hạng mục chính (Cột 7x8)	Tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
<i>[điền số hiệu của hạng mục]</i>	<i>[điền tên hàng hóa]</i>	<i>[điền ký, mã hiệu, nhãn mác sản phẩm]</i>	<i>[điền nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa]</i>	<i>[điền thời hạn bảo hành]</i>	<i>[điền thời gian giao hàng]</i>	<i>[điền số lượng đơn vị hàng hóa sẽ được cung cấp và đơn vị tính]</i>	<i>[điền đơn giá]</i>	<i>[điền tổng giá cho hạng mục chính]</i>	<i>[Ghi tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật tương ứng trong HSYC]</i>
1									
2									
3									
							Cộng		
							Thuế		
							Phí, lệ phí (nếu có)		
							Tổng cộng		

Tên Nhà thầu *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* Chữ ký của Nhà thầu *[chữ ký của người ký Hồ sơ đề xuất]* Ngày *[điền ngày]*

Giấy phép/Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất

[Nhà thầu phải yêu cầu Nhà sản xuất điền vào Mẫu này theo các chỉ dẫn ở dưới. Thư ủy quyền này phải được in trên giấy có tiêu đề của Nhà sản xuất và có chữ ký của người có thẩm quyền hợp lệ để ký các tài liệu có ý nghĩa ràng buộc đối với Nhà sản xuất. Nhà thầu phải đính kèm Ủy quyền của Nhà sản xuất vào Hồ sơ đề xuất, nếu CDNT quy định như vậy.]

Ngày: *[điền ngày, tháng, năm nộp Hồ sơ đề xuất]*
Gói thầu số: *[điền số hiệu của quy trình đấu thầu]*

Kính gửi: *[điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư]*

CĂN CỨ VÀO VIỆC

Chúng tôi *[điền tên đầy đủ của Nhà sản xuất]*, là nhà sản xuất chính thức *[điền tên loại hàng hóa được sản xuất]*, có nhà máy tại *[điền địa chỉ đầy đủ của nhà máy]*, tuyên bố ủy quyền cho *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* nộp hồ sơ đề xuất cung cấp những hàng hóa sau đây do chúng tôi sản xuất *[điền tên và/hoặc mô tả ngắn gọn về hàng hóa]*, sau đó đàm phán và ký Hợp đồng.

Chúng tôi xin bảo đảm và bảo hành đầy đủ theo Điều 14 Mẫu số 15 – Hợp đồng đối với Hàng hóa do công ty nêu trên chào cung ứng.

Đã ký: *[chữ ký của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Tên: *[điền tên của (các) đại diện được ủy quyền của Nhà sản xuất]*

Chức vụ: *[điền chức vụ]*

Biểu giá chào dịch vụ phi tư vấn và Lịch hoàn thành
(Được áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn)

Dịch vụ số	Mô tả dịch vụ phi tư vấn	Địa điểm nơi thực hiện dịch vụ	Ngày chính thức hoàn thành dịch vụ	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá chào	Tổng giá cho dịch vụ (Cột 5x6 hoặc ước tính)	Tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật
1	2	3	4	5		7	
<i>[điền số hiệu dịch vụ phi tư vấn]</i>	<i>[điền tên Dịch vụ phi tư vấn]</i>	<i>[điền tên địa điểm]</i>	<i>[điền ngày chính thức hoàn thành dịch vụ]</i>	<i>[điền số lượng đơn vị dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp và đơn vị tính]</i>	<i>[điền đơn giá cho hạng mục]</i>	<i>[điền tổng giá của hạng mục]</i>	<i>[Ghi tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật tương ứng trong HSYC]</i>
1							
2							
3							
					Cộng		
					Thuế		
					Phí (nếu có)		
					Tổng cộng		

Tên Nhà thầu *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* Chữ ký của Nhà thầu *[chữ ký của người ký Hồ sơ đề xuất]* Ngày *[điền ngày]*

Biểu giá chào xây lắp (Được áp dụng với gói thầu xây lắp)**BIỂU TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

STT	Nội dung công việc	Thành tiền	Tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật <i>[Ghi tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật tương ứng trong HSYC]</i>
1	<i>Hạng mục công việc [Ghi tên hạng mục công việc]</i>		
2			
3			
...			
Cộng (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)			
Dự phòng phí			
Tổng cộng			

Tổng cộng: _____ *[Ghi bằng chữ]*

Ghi chú: Biểu tổng hợp giá dự thầu được lập trên cơ sở các biểu chi tiết giá dự thầu của hạng mục

Tên Nhà thầu *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* Chữ ký của Nhà thầu *[chữ ký của người ký Hồ sơ đề xuất]* Ngày *[điền ngày]*

BIỂU CHI TIẾT GIÁ CHÀO CỦA HẠNG MỤC

<i>Hạng mục số</i>	<i>Mô tả hạng mục</i>	<i>Đơn vị tính</i>	<i>Khối lượng</i>	<i>Đơn giá (VND)</i>	<i>Thành tiền (VND)</i>
Ghi tên hạng mục					
				Cộng	_____
				Tổng cộng	_____

BẢNG GIÁ CHÀO TỔNG HỢP

Bảng này liệt kê khối lượng công việc mà nhà thầu đề xuất thực hiện trong trường hợp tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế

Stt	Hạng mục, nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Ghi chú
1					
2					
...					

Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho Bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét. Nhà thầu không được tính toán phần khối lượng sai khác này vào giá dự thầu.

Ghi chú:

1. Không nên lấy toàn bộ danh mục công việc trong dự toán thiết kế để cấu trúc thành bảng tiên lượng, nên rút gọn, đưa danh mục theo tiêu chí cần kiểm soát, giám sát nghiệm thu. Đối với các khối lượng liên quan tới biện pháp thi công mà nhà thầu có thể chủ động cải tiến nhằm tăng năng suất, hiệu quả thì không nên nêu chi tiết.

2. Danh mục và khối lượng công việc phải phù hợp với nguyên tắc thanh toán trọn gói

3. Những công việc tương tự hoặc trong chu trình thi công liên tục để hình thành sản phẩm xây lắp thì nên cấu trúc để nhà thầu chào dưới dạng đơn giá tổng hợp.

Ví dụ: Đối với công tác bê tông, thường lập dự toán phân vữa, biện pháp đổ cầu, thủ công, hoặc bơm, công tác cốp pha riêng nhưng Bảng tiên lượng chỉ nên đưa thành một mục là bê tông.

BẢNG KÊ KHAI MÁY MÓC, THIẾT BỊ THI CÔNG CHỦ YẾU
(Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Nhà thầu chỉ được kê khai những thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu quy định tại điểm b Mục 2.2 - Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm mà có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói thầu khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

Mỗi loại thiết bị nhà thầu phải kê khai theo mẫu dưới đây:

Loại máy móc, thiết bị*		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model) và hệ số công suất
	Công suất *	Năm sản xuất*
	Tính năng	Xuất xứ
Hiện trạng	Địa điểm để máy	
	Thông tin chi tiết về các cam kết sử dụng máy hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị <input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà thầu <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo Trường hợp thuộc sở hữu của nhà thầu thì phải có giấy tờ chứng minh	

Chỉ khai các thông tin yêu cầu dưới đây nếu thiết bị không thuộc sở hữu của Nhà thầu.

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex

Thỏa thuận	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án (kèm theo bản cam kết hai bên, bản sao hợp đồng...)

Năng lực của nhà thầu

Để chứng minh có năng lực thực hiện hợp đồng theo Mục 2 - Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm, nhà thầu phải cung cấp các thông tin cần thiết theo các mẫu sau đây:

Mẫu số 10A

KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Trang _____ / _____ trang

Tên Nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Mẫu số 10B

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____
Trang _____ / _____ trang

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh:
Thông tin về đại diện ủy quyền của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu là liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải điền vào mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HIỆU QUẢ KINH DOANH

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Trang _____ / _____ trang

1. Số liệu tài chính

Loại thông tin tài chính (đơn vị tiền tệ)	Thông tin cho _____ năm trở lại đây (ghi số năm theo khoản 1.3 Mục 2 Chương III - Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ và tiêu chuẩn đánh giá HSDX) (VND)				
	Năm 1	Năm 2	Năm 3		
Tình hình tài chính (thông tin từ bảng cân đối tài sản)					
Tổng tài sản					
Tổng nợ phải trả					
Tổng vốn chủ sở hữu (giá trị ròng)					
Tài sản ngắn hạn					
Nợ ngắn hạn					
Vốn lưu động					
Thông tin từ báo cáo thu nhập					
Tổng doanh thu					
Lợi nhuận trước thuế					
Doanh thu bình quân hàng năm					
Thông tin về dòng tiền mặt					

Dòng tiền mặt từ các hoạt động kinh doanh					
---	--	--	--	--	--

2. Báo cáo tài chính và tài liệu chứng minh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế

Nhà thầu phải cung cấp bản chụp của báo cáo tài chính của các năm theo khoản 3.1 Mục 2 Chương III - Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ và tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Các báo cáo tài chính phải :

a) Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc liên danh (nếu là nhà thầu liên danh), chứ không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết (ví dụ như công ty mẹ hay một công ty con trong tập đoàn).

b) Được kiểm toán độc lập hoặc được xác nhận theo luật định trong nước.

c) Hoàn chỉnh, bao gồm tất cả các chú giải cho các báo cáo tài chính.

d) Tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành và được kiểm toán. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây :

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế; tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;

- Báo cáo kiểm toán;

- Các tài liệu khác.

KINH NGHIỆM CHUNG

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên liên danh nhà thầu (nếu có) _____

Trang _____ / _____ trang

Năm khởi công	Năm hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Vai trò của nhà thầu
		Tên hợp đồng: _____ Mô tả tóm tắt công việc do nhà thầu thực hiện: _____ Giá trị hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____	
		Tên hợp đồng: _____ Mô tả tóm tắt công việc do nhà thầu thực hiện: _____ Giá trị hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____	
		Tên hợp đồng: _____ Mô tả tóm tắt công việc do nhà thầu thực hiện: _____ Giá trị hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____	
		

KINH NGHIỆM CỤ THỂ TRONG THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

Tên Nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên nhà thầu liên danh: _____

Trang _____ / _____ trang

Hợp đồng tương tự số	Thông tin			
Số hiệu hợp đồng				
Ngày trao thầu				
Ngày hoàn thành				
Vai trò trong hợp đồng	Nhà thầu chính <input type="checkbox"/>	Nhà thầu liên danh <input type="checkbox"/>	Nhà thầu quản lý <input type="checkbox"/>	Nhà thầu phụ <input type="checkbox"/>
Tổng giá trị hợp đồng				VND*
Nếu là thành viên của liên danh nhà thầu hoặc là nhà thầu phụ, ghi rõ tỷ lệ tham gia trên tổng giá trị hợp đồng			*	
Tên Chủ đầu tư:				
Địa chỉ:				
Số điện thoại/fax:				
E-mail:				
Hợp đồng tương tự số				
Mô tả tính chất tương tự theo Khoản 3.2(a) Mục 2 Chương III Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ và tiêu chuẩn đánh giá HSDX				

1. Giá trị	
2. Quy mô của các hạng mục công việc cần thiết	
3. Mức độ phức tạp	
4. Phương pháp/công nghệ	
5. Tỷ lệ thi công trong các hoạt động chính	
6. Các đặc điểm khác	

Phần thứ hai

YÊU CẦU VỀ XÂY LẮP **(Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)**

Chương IV

GIỚI THIỆU DỰ ÁN VÀ GÓI THẦU

Chương này giới thiệu khái quát thông tin về dự án và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin cần thiết khác.

1. Giới thiệu về dự án

a) Dự án:

- Tên dự án
- Chủ đầu tư
- Nguồn vốn
- Quyết định đầu tư
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

b) Địa điểm

- Vị trí
- Hiện trạng mặt bằng: các công trình nổi và ngầm hiện có
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm: Cấp nước, thoát nước, cấp điện, đường giao thông...

c) Quy mô công trình

- Loại công trình và chức năng
- Quy mô và các đặc điểm khác

2. Giới thiệu về gói thầu

a) Địa điểm thi công :

- Vị trí
- Hiện trạng mặt bằng: các công trình nổi và ngầm hiện có
- Hạ tầng kỹ thuật hiện có cho địa điểm: Cấp nước, thoát nước, cấp điện, đường giao thông...

b) Quy mô công trình

- Loại công trình và chức năng
- Quy mô và các đặc điểm khác

c) Phạm vi công việc của gói thầu

d) Thời hạn hoàn thành.

Chương V
CÁC BẢN VẼ

(Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Chương này liệt kê các bản vẽ⁽¹⁾.

Stt	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản / ngày phát hành
1			
2			
3			
4			
...			

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư căn cứ vào pháp luật về xây dựng để đưa ra danh mục các bản vẽ cho phù hợp.

Phần thứ ba
YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG

Chương VI¹²
ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

A. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hợp đồng” là sự thoả thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo.
2. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền mà chủ đầu tư đã thoả thuận với nhà thầu theo hợp đồng.
3. “Chủ đầu tư” là _____ [*Ghi tên chủ đầu tư*].
4. “Nhà thầu” là _____ [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*].
5. “Tư vấn giám sát” là nhà thầu tư vấn được chủ đầu tư lựa chọn để hoạt động thường xuyên và liên tục tại hiện trường nhằm giám sát việc thi công xây dựng công trình, hạng mục công trình. Nhà tư vấn giám sát là _____ [*Ghi tên tư vấn giám sát*].
6. “Ngày khởi công” là ngày mà chủ đầu tư quyết định cho nhà thầu bắt đầu thi công công trình.
7. “Thời gian hoàn thành” là khoảng thời gian cần thiết để hoàn thành công trình được tính từ ngày khởi công đến ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
8. “Ngày” là ngày dương lịch, được tính liên tục, kể cả ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần.
9. “Thời hạn bảo hành công trình xây dựng” là thời gian nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về sửa chữa các sai sót đối với công trình. Thời hạn bảo hành được tính từ ngày công trình được nghiệm thu, bàn giao.
10. “Biên bản nghiệm thu” là biên bản được phát hành theo Điều 24 Chương này.
11. “Công trường” là địa điểm mà chủ đầu tư quy định cho nhà thầu sử dụng để thi công công trình: _____ [*Ghi địa điểm công trường*]

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng

¹² Trường hợp gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, không quy định nội dung này.

Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật của Việt Nam. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

a) Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____

[Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng, hoặc sau khi ký hợp đồng nhưng trước ngày hợp đồng có hiệu lực]

b) Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____

[Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc (bằng tiền mặt hoặc Séc), ký quỹ hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng.]

c) Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____% giá hợp đồng *[Ghi giá trị cụ thể căn cứ yêu cầu của gói thầu với giá trị tuyệt đối là 2% đến 3% giá hợp đồng, được làm tròn số đến đơn vị trăm nghìn đồng].*

d) Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____.

[Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc ngày chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành đối với trường hợp quy định về bảo hành. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho chủ đầu tư như một khoản bồi thường cho bất cứ thiệt hại nào phát sinh do lỗi của nhà thầu khi nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu trong thời hạn _____ *[Ghi cụ thể thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu].*

Ví dụ: Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn _____ ngày kể từ khi công trình được bàn giao, nghiệm thu, đồng thời nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định.]

Điều 4. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng là: Trọn gói

Điều 5. Biểu giá hợp đồng

1. Biểu giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này. Biểu giá hợp đồng bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của hạng mục đó. Biểu hợp đồng được sử dụng để tính giá hợp đồng.

2. Nhà thầu phải nộp một Bảng kê các hoạt động cập nhật trong vòng 14 ngày từ khi có yêu cầu từ chủ đầu tư. Bảng kê các hoạt động phải mô tả các hoạt động (có giá kèm theo) mà nhà thầu sẽ hoàn thành theo thiết kế. Bảng kê các hoạt động được sử dụng để theo dõi và kiểm soát kết quả các hoạt động và là cơ sở để thanh toán cho Nhà thầu. Bảng kê các hoạt động sẽ được Nhà thầu sửa đổi bổ sung cho phù hợp với những thay đổi trong chương trình công việc hoặc phương pháp làm việc tùy theo quyết định của bản thân nhà thầu. Tuy nhiên, giá của các hoạt động trong Bảng kê sẽ không thay đổi.

Điều 6. Nhân sự của nhà thầu

Nhà thầu phải sử dụng các cán bộ chủ chốt có tên trong Danh sách cán bộ chủ chốt để thực hiện các công việc nêu trong danh sách này hoặc sử dụng các cán bộ khác được chủ đầu tư chấp thuận. Chủ đầu tư sẽ chỉ chấp thuận việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt trong trường hợp có lý do chính đáng, năng lực và trình độ của những người thay thế về cơ bản tương đương hoặc cao hơn các cán bộ được liệt kê trong danh sách.

Danh sách cán bộ chủ chốt bao gồm: _____ [Ghi danh sách cán bộ chủ chốt phù hợp với Danh sách cán bộ chủ chốt như kê khai trong HSDX].

Điều 7. Bồi thường thiệt hại

1. Nhà thầu phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho chủ đầu tư, nhân viên của chủ đầu tư đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến:

a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính mạng của bất kỳ người nào xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, từ trường hợp do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng;

b) Hỏng hóc hay mất mát bất cứ tài sản nào (không phải là công trình) xảy ra trong hoặc ngoài quá trình thi công hoặc do nguyên nhân từ bản vẽ của nhà thầu, từ việc thi công, hoàn thành công trình, sửa chữa sai sót, từ trường hợp do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cấu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

2. Chủ đầu tư phải bồi thường và chịu trách nhiệm về những tổn hại cho nhà thầu, các nhân viên của nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và các chi phí liên quan đến tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau hoặc thiệt hại về tính mạng được xác định do chủ đầu tư, các nhân viên của chủ đầu tư cầu thả, cố ý phạm lỗi hoặc vi phạm hợp đồng.

Điều 8. Trường hợp bất khả kháng

1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hoả hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.

2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, nhà thầu theo hướng dẫn của chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.

3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 12 Chương này.

Điều 9. Bảo hiểm

Yêu cầu về bảo hiểm như sau: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả chủ đầu tư và nhà thầu. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...*]

Điều 10. An toàn

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 11. Tư vấn giám sát

1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

3. Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hoà giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong thời gian _____ [*Ghi số ngày*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế sau: _____ [*Ghi cụ thể thời gian và cơ chế xử lý tranh chấp căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu. Trong đó cần nêu rõ thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp, tổ chức giải quyết tranh chấp, chi phí cho việc giải quyết tranh chấp...*]

Điều 13. Tiến độ thực hiện

1. Chủ đầu tư phải giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào ngày: _____ [*Ghi ngày tháng giao công trường*].

2. Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện công trình vào ngày khởi công: _____ [*Ghi ngày dự kiến khởi công*]. Nhà thầu phải hoàn thành công trình vào ngày hoàn thành dự kiến: _____ [*Ghi ngày hoàn thành dự kiến*].

Điều 14. Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng

1. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thương thảo về việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng trong những trường hợp sau đây:

a) Chủ đầu tư không giao quyền sử dụng công trường cho nhà thầu vào thời gian quy định tại Điều 13 Chương này;

b) Chủ đầu tư chậm trễ không có lý do trong việc cấp Biên bản nghiệm thu công trình;

c) Các trường hợp khác như sau: _____ [*Ghi các trường hợp gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng khác, nếu có*].

2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu hoãn việc khởi công hay thực hiện chậm tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong công trình.

3. Trường hợp cần rút ngắn thời gian thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư phải tiến hành thương thảo với nhà thầu về các nội dung liên quan.

Điều 15. Chất lượng vật tư, thiết bị

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 16. Xử lý sai sót

Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

Điều 17. Bảo hành công trình

1. Thời gian bảo hành công trình là _____ [*Ghi thời gian bảo hành công trình*] được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình: _____ [*Ghi yêu cầu về bảo hành công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng*].

3. Trong thời gian bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian do chủ đầu tư quy định.

4. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả chi phí này.

Điều 18. Biểu giá hợp đồng

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó. Trường hợp khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành theo thiết kế nhiều hơn hoặc ít hơn khối lượng nêu trong biểu giá hợp đồng (nếu có) không làm thay đổi giá hợp đồng.

Điều 20. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Bổ sung hạng mục công việc, vật tư, máy móc, thiết bị hoặc dịch vụ cần thiết ngoài khối lượng công việc phải thực hiện theo thiết kế và ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;

- b) Thay đổi về chất lượng và các thông số của một hạng mục công việc nào đó;
- c) Thay đổi về thiết kế;
- d) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng.

2. Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

3. Trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng, nhà thầu phải đưa khối lượng công việc được bổ sung vào Bảng tiến độ thi công chi tiết.

Điều 21. Tạm ứng

Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu như sau: _____ [*Ghi số tiền tạm ứng, các chứng từ để tạm ứng, phương thức tạm ứng... phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng*].

Hoàn trả tiền tạm ứng: _____ [*Ghi thời gian và cách thức hoàn trả tiền tạm ứng phù hợp quy định của pháp luật về xây dựng. Ví dụ về cách thức thực hiện: tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khác đến hạn cho nhà thầu trên cơ sở theo tiến độ phần trăm hoàn thành công trình...*].

Điều 22. Thanh toán

Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu như sau:

1. Hình thức thanh toán _____ [*Tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản ...*]

2. Thời hạn thanh toán _____ [*Tùy theo điều kiện cụ thể mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu*].

3. Phương thức thanh toán:

Việc thanh toán được thực hiện như sau: _____ [*Căn cứ từng gói thầu cụ thể mà ghi: thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng hoặc thanh toán _ lần tương ứng với việc hoàn thành công việc của công trình, hạng mục công trình, công trình*].

Điều 23. Phạt vi phạm hợp đồng

1. Nhà thầu bị phạt theo mức phạt là _____ [*Ghi mức phạt*] cho mỗi ngày chậm hoàn thành công trình so với ngày hoàn thành dự kiến hoặc ngày hoàn thành dự kiến được gia hạn. Tổng số tiền phạt không vượt quá _____ [*Ghi tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa cho toàn bộ công trình*]. Chủ đầu tư có thể

khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của nhà thầu. Việc thanh toán bồi thường thiệt hại sẽ không làm thay đổi trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu.

2. Việc phạt vi phạm hợp đồng đối với chủ đầu tư khi chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng được thực hiện như sau: _____ [Nêu yêu cầu về phạt hợp đồng trong trường hợp này nếu có].

3. Các yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng: _____ [Nêu yêu cầu khác về phạt vi phạm hợp đồng, chẳng hạn phạt khi nhà thầu không đảm bảo chất lượng...].

Điều 24. Nghiệm thu

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà thầu ký xác nhận.

Chủ đầu tư cần tiếp nhận công trường và công trình trong vòng _____ ngày [Ghi số ngày] kể từ khi nhà thầu được cấp Biên bản nghiệm thu công trình.

Điều 25. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu ngừng thi công trong _____ ngày [Ghi số ngày] trong khi việc ngừng thi công này không có trong Bảng tiến độ thi công chi tiết hiện tại và chưa được chủ đầu tư cho phép;

b) Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu kéo dài tiến độ công trình vượt quá _____ ngày [Ghi số ngày];

c) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

d) Các hành vi khác _____ [Nêu hành vi khác (nếu có)].

2. Trường hợp chấm dứt hợp đồng, nhà thầu phải ngừng ngay công việc, giữ công trường an toàn và rời công trường theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Điều 26. Thanh toán trong trường hợp chấm dứt hợp đồng

1. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu nêu tại Điều 25 Chương này, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua trừ đi khoản tiền tạm ứng của nhà thầu đã nhận. Nếu số tiền tạm ứng nhiều hơn giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua thì nhà thầu phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chủ đầu tư khoản tiền chênh lệch này. Trường hợp ngược lại, chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu.

2. Nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của chủ đầu tư nêu tại Điều 25 Chương này hoặc do bất khả kháng, chủ đầu tư sẽ lập biên bản xác nhận giá trị các công việc đã thực hiện, vật liệu đã mua, chi phí hợp lý cho việc di chuyển máy móc, thiết bị, hồi hương nhân sự mà nhà thầu thuê cho công trình và chi phí của nhà thầu về việc bảo vệ công trình, trừ đi khoản tiền tạm ứng mà nhà thầu đã nhận. Chủ đầu tư có trách nhiệm thanh toán cho nhà thầu khoản tiền chênh lệch này.

3. Mọi vật liệu tại công trường, máy móc, thiết bị, công trình tạm và công trình sẽ được xem là tài sản của chủ đầu tư nếu hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của nhà thầu.

HỢP ĐỒNG¹³

(Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Căn cứ¹⁴ ____ [Bộ Luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội];

Căn cứ ____ [Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ ____ [Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội];

Căn cứ² ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo trúng thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư] _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

⁽¹³⁾ Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKKHĐ.

⁽¹⁴⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy uỷ quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được uỷ quyền*).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy uỷ quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được uỷ quyền*).

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng xây lắp với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng thiết kế.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

5. Văn bản thỏa thuận các bên về điều kiện của hợp đồng
6. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu bổ sung HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của nhà thầu

Nhà thầu cam kết thi công công trình theo thiết kế đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định Ông/Bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi của hợp đồng này.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo quy định nêu trong Điều 22 ĐKHD.

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Khoản 4 Mục 1 Chương I, HSDX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng phù hợp với ngày khởi công được quy định tại Điều 13 ĐKHD*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG¹⁵

(Được áp dụng đối với gói thầu hàng hóa)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [*Ghi tên gói thầu*]

Thuộc dự án: _____ [*Ghi tên dự án*]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [*Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005*];
- Căn cứ⁽²⁾ ____ [*Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013*];
- Căn cứ⁽²⁾ ____ [*Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu*];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [*Ghi tên chủ đầu tư*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

⁽¹⁵⁾ Căn cứ tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được
ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;
5. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
6. HSYC và các tài liệu bổ sung HSYC (nếu có);
7. Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định Ông/Bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi của hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu

Nhà thầu cam kết cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...*].

b) Thời hạn thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].

c) Số lần thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Khoản 4 Mục 1 Chương I, HSDX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường

hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng*]

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc (bằng tiền mặt hoặc Séc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng được thành lập theo pháp luật Việt Nam)*].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: ___ % giá hợp đồng [*Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng từ 2% đến 3% giá hợp đồng*].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày ___ tháng ___ năm ___ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định*].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư khi Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Chủ đầu tư.

3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo

hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;

- b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;
- c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo Điểm b Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Tính hợp lệ của hàng hóa

Nhà thầu phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 12. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa

1. Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: _____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra hàng hóa, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm...cũng như quy định về cách thức xử lý hàng hóa không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm*]. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu

chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Điều 13. Bảo quyền và bảo hiểm hàng hóa

1. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.

2. Hàng hóa do Nhà thầu cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này trên cơ sở đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật*].

Điều 14. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ [*Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...*].

Điều 15. Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [*Ghi cụ thể thời gian*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [*Ghi cơ chế xử lý tranh chấp*].

Điều 16. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư (*đối với dự án*) hoặc Bên mời thầu (*đối với dự toán mua sắm*) giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG¹⁶

(Được áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn)

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013];

- Căn cứ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

⁽¹⁶⁾ Căn cứ tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [*Ghi tên nhà thầu trúng thầu*]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ phi tư vấn được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

5. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
6. HSYC và các tài liệu bổ sung HSYC (nếu có);
7. Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định Ông/Bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi của hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu

Nhà thầu cam kết cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các dịch vụ phi tư vấn như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...*].

b) Thời hạn thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].

c) Số lần thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng*]

phù hợp với Khoản 3 Mục 1 Chương I, HSDX và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm thực hiện dịch vụ phi tư vấn;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng]*

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc (bằng tiền mặt hoặc Séc), ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng được thành lập theo pháp luật Việt Nam].*

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ % giá hợp đồng [*Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng từ 2% đến 3% giá hợp đồng].*

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ dịch vụ phi tư vấn được hoàn thành, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành (nếu có) theo quy định].*

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư khi Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Chủ đầu tư.

3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;

b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo Điểm b Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Kiểm tra, thử nghiệm dịch vụ phi tư vấn

1. Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong HSYC, cụ thể là: _____ [*Căn cứ tính chất của gói thầu mà nêu cụ thể về việc hoàn thiện dịch vụ phi tư vấn và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về thực hiện dịch vụ phi tư vấn: _____ [*Nêu yêu cầu về thực hiện dịch vụ phi tư vấn, bao gồm cả địa điểm thực hiện dịch vụ phi tư vấn căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm dịch vụ phi tư vấn được cung cấp để đảm bảo dịch vụ phi tư vấn đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý khi*

dịch vụ phi tư vấn không đảm bảo chất lượng, không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm]. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn không phù hợp với đặc tính kỹ thuật, yêu cầu về chất lượng theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, yêu cầu về chất lượng. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh dịch vụ phi tư vấn không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

Điều 12. Bản quyền

Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dịch vụ phi tư vấn mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.

Điều 13. Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [*Ghi cụ thể thời gian*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [*Ghi cơ chế xử lý tranh chấp*].

Điều 14. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư (*đối với dự án*) hoặc Bên mời thầu (*đối với dự toán mua sắm*) giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

[Tiêu đề thư của Bên bảo lãnh]

Đối tượng thụ hưởng: *[điền tên và địa chỉ của Chủ đầu tư]*

Ngày: *[điền ngày phát hành]*

BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG SỐ: *[điền số Bảo lãnh]*

Bên bảo lãnh: *[điền tên và địa chỉ của nơi phát hành bảo lãnh, trừ khi đã được nêu trong tiêu đề thư]*

Chúng tôi được thông báo rằng _ *[điền tên nhà thầu, nếu là nhà thầu liên danh thì điền tên liên danh]* (sau đây gọi là “Người đề nghị bảo lãnh”) đã ký Hợp đồng số. *[điền số trích yếu của hợp đồng]* ngày *[điền ngày]* với Người thụ hưởng để thực hiện _ *[điền tên hợp đồng và mô tả ngắn gọn nội dung công việc]* (sau đây gọi là “hợp đồng”).

Chúng tôi cũng hiểu rằng theo điều kiện của hợp đồng, Bên đề nghị phải nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Theo yêu cầu của Bên đề nghị, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là *[điền số tiền bằng số]* () *[điền số tiền bằng chữ]*¹⁷, khi nhận được yêu cầu bồi thường từ phía Bên thụ hưởng, đi kèm với tuyên bố của Bên thụ hưởng (tuyên bố này có thể được ghi trong thư yêu cầu bồi thường hoặc trong một văn bản riêng rẽ có chữ ký gửi kèm thư yêu cầu bồi thường) trong đó nêu rõ Bên đề nghị vi phạm (các) nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, mà không cần Bên thụ hưởng phải chứng minh hoặc đưa ra cơ sở cho việc yêu cầu thanh toán khoản tiền quy định ở đây.

¹⁷ Bên bảo lãnh sẽ điền vào đây số tiền trong đương với tỷ lệ phần trăm của Giá trị Hợp đồng được Chấp nhận như xác định trong Thư chấp thuận, trừ đi các khoản tiền tạm tính, nếu có.

Bảo lãnh này sẽ hết hạn muộn nhất là vào ... ngày ... tháng ... năm ..., 2...¹⁸, và bất kỳ yêu cầu trả tiền nào theo bảo đảm này phải được chuyển tới văn phòng của chúng tôi trước hoặc trong ngày hôm đó.

[chữ ký]

Lưu ý: Toàn bộ nội dung in nghiêng được sử dụng khi lập mẫu này và phải được xóa đi khi hoàn thành bản chính thức

¹⁸ Chủ đầu tư cần lưu ý rằng trong trường hợp gia hạn thời gian hoàn thành Hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ cần yêu cầu Bên bảo lãnh gia hạn bảo lãnh này. Yêu cầu gia hạn đó phải bằng văn bản và phải được thực hiện trước ngày hết hạn được xác lập trong bảo lãnh. Trong quá trình lập soạn bảo lãnh này, Chủ đầu tư có thể xem xét bổ sung nội dung sau vào mẫu, ở cuối đoạn trước đoạn cuối cùng: “Để đáp lại văn bản yêu cầu gia hạn của Bên thụ hưởng, Bên bảo lãnh đồng ý sẽ gia hạn hiệu lực của bảo đảm này một lần với thời hạn không quá [6 tháng][01 năm], với điều kiện Bên bảo đảm nhận được văn bản yêu cầu đó trước khi hết hạn hiệu lực của thư bảo đảm gốc.”

PHỤ LỤC

DANH MỤC DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN HOẶC HÀNG HÓA THEO HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm danh mục hàng hóa được cung cấp].

Danh mục dịch vụ phi tư vấn hoặc hàng hóa:

1....

2....

3....

...

BIỂU GIÁ

(được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu của HSYC, HSDX và những thoả thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm biểu giá cho từng hạng mục, nội dung công việc. Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà biểu giá có thể bao gồm nhiều phần]

PHỤ LỤC

CÁC VÍ DỤ

Ví dụ 1: TCDG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” đối với gói thầu “Cầu 6-7 xã Hồng Thủy, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế” thuộc Dự án “Giảm nghèo khu vực miền Trung”

Stt	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	<i>Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công</i>		
	<i>(a) Giải pháp thi công đối với nền đất, thi công móng M1, T1, T2, T3</i>	<i>Có giải pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có giải pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(b) Biện pháp thi công đắp đê quai</i>	<i>Thực hiện trước khi thi công</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không thực hiện trước khi thi công</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(c) Giải pháp thi công bê tông vòm (kèm bản vẽ)</i>	<i>Có giải pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có giải pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(d) Giải pháp thi công các kết cấu bê tông cốt thép khác, bê tông mặt đường, nền đường, bảo dưỡng kết cấu bê tông cốt thép</i>	<i>Có giải pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có giải pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(đ) Giải pháp chống sạt lở, mái taluy, giải phóng mặt bằng thi công</i>	<i>Có giải pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có giải pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(e) Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công</i>	<i>Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có bản vẽ đầy đủ</i>	<i>Không đạt</i>

		<i>đủ, hoặc biện pháp tổ chức thi công không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ</i>	
	<i>(g) Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người</i>	<i>Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng cán bộ chủ chốt</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(h) Biện pháp thi công, phòng chống của nhà thầu trong mùa mưa lũ</i>	<i>Có biện pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có biện pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
2	<i>Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, bảo hành</i>		
	<i>(a) Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu, chống ngập úng các khu lân cận, chống ồn</i>	<i>Có giải pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có giải pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(b) An toàn lao động</i>	<i>Có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có biện pháp bảo đảm an toàn lao động rõ ràng</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(c) Giải pháp phòng cháy nổ, chữa cháy</i>	<i>Có giải pháp khả thi</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có giải pháp khả thi</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>(d) Thuyết minh chế độ bảo hành công trình, nhiệm vụ nhà thầu trong quá trình bảo hành</i>	<i>Có thuyết minh bảo hành theo đúng yêu cầu của HSMT</i>	<i>Đạt</i>
		<i>Không có thuyết minh</i>	<i>Không đạt</i>

		<i>bảo hành theo đúng yêu cầu của HSMT</i>	
3	<i>Biện pháp bảo đảm chất lượng</i>		
	<i>Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công, ...</i>		<i>Đạt</i>
	<i>Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu trên</i>		<i>Không đạt</i>
4	<i>Tiến độ thi công</i>		
	<i>Ngắn hơn hoặc bằng số ngày quy định</i>		<i>Đạt</i>
	<i>Dài hơn số ngày quy định</i>		<i>Không đạt</i>
5	<i>Hướng dẫn về vận hành, bảo trì cho nhóm quản lý, duy tu bảo dưỡng</i>		
	<i>Có hướng dẫn kèm theo thuyết minh biện pháp thi công công trình</i>		<i>Đạt</i>
	<i>Không có hướng dẫn kèm theo thuyết minh biện pháp thi công công trình hoặc không có cam kết hướng dẫn sau khi hoàn thành công trình</i>		<i>Không đạt</i>
<i>Kết luận</i>	<i>Các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 được xác định là đạt, tiêu chuẩn 5 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được</i>		<i>Đạt</i>
	<i>Không thuộc các trường hợp nêu trên</i>		<i>Không đạt</i>

Ví dụ 2: Bảng tiên lượng đối với gói thầu “Thi công hạ tầng khu tái định cư (bao gồm: san nền, đường giao thông, hệ thống điện hạ thế)” thuộc Dự án “Hạ tầng khu tái định cư Mỹ Ôn, xã Quảng An, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế”

Stt	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
1/ San nền			
1	Đắp cát công trình	m^3	8.335,36
2/ Nền mặt đường			
1	Đào nền đường	m^3	518,16
2	Đắp cát nền đường	m^3	503,74
3	Đệm móng nền đường bằng 50% cát+50% sạn	m^3	305,2
4	Bê tông nền đường đá 2x4 mác 200, xi măng PC30	m^3	557,56
3/ Cống vuông tại Km0+927,9			
1	Đào móng rộng <3m	m^3	8,00

2	Đệm móng cống bằng 50% cát+50% sạn	m^3	1,58
3	Bê tông lót móng mác 100, sỏi 4x6 xi măng PC30	m^3	0,92
4	Xây móng cống bằng đá hộc VXM mác 75	m^3	7,66
5	Đắp đất 2 bên cống	$100m^3$	0,065
6	Bê tông cống mác 250, đá 1x2, xi măng PC30	m^3	1,75
7	Cốt thép cống $d \leq 10mm$	Tấn	0,163
8	Cốt thép cống $10mm < d \leq 18mm$	Tấn	0,111
4/ Điện hạ thế			
1	SXLD cột điện, cột BTLT – 10,5A	Cột	10,00
2	Móng MT1	Móng	10,00
3	SXLD xà đỡ	Bộ	10,00
4	SXLD dây AC-A70 (bọc mở)	Km	1,03

Ví dụ 3: TCDG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” đối với gói thầu: “mua sắm máy tính xách tay”

Stt	Tên chủng loại	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
<u>Về phạm vi cung cấp</u>			
1	Chủng loại cung cấp	Máy tính xách tay	Không đúng chủng loại
2	Số lượng máy	30 chiếc	< 30 chiếc
3	Tài liệu hướng dẫn	30 bộ song ngữ tiếng Việt và tiếng Anh	Không có tài liệu hướng dẫn sử

Stt	Tên chủng loại	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
	<i>sử dụng</i>	<i>30 bộ đơn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh</i>	<i>dụng</i>
<i>Về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa</i>			
4	<i>Hệ điều hành</i>	<i>Windows Vista Home Premium hoặc tương đương</i>	<i>Sử dụng Windows đời thấp hơn hoặc hệ điều hành không tương đương</i>
5	<i>Bảng mạch chủ (mainboard)</i>	<i>Hỗ trợ công nghệ Core Duo 2MB Cache và tốc độ truyền dữ liệu của bảng mạch chủ \geq FBS 880/553</i>	<i>Không hỗ trợ công nghệ Core Duo hoặc Cache < 2 MB hoặc tốc độ truyền dữ liệu của bảng mạch chủ < FBS 880/553</i>
6	<i>Bộ vi xử lý (CHIP)</i>	<i>Sử dụng công nghệ Centrino Core Duo, xung nhịp \geq 2,00 GHz</i>	<i>Không sử dụng công nghệ Centrino Core Duo hoặc xung nhịp < 2,00 GHz</i>
7	<i>Ổ cứng</i>	<i>Dung lượng \geq 100 GB và tốc độ quay \geq 7.200 vòng/phút</i>	<i>Dung lượng < 100GB hoặc tốc độ quay < 7.200 vòng/phút</i>
8	<i>Bộ nhớ trong (RAM)</i>	<i>Chủng loại DDRAM và dung lượng \geq 1GB</i>	<i>Không đúng chủng loại DDRAM hoặc dung lượng < 1GB</i>
9	<i>Màn hình</i>	<i>Độ rộng \geq 15 inch và áp dụng công nghệ màn hình gương</i>	<i>Độ rộng < 15 inch hoặc không áp dụng công nghệ màn hình gương</i>
10	<i>Ổ đĩa DVD</i>	<i>Đọc, ghi đĩa DVD</i>	<i>Không có ổ DVD hoặc không đảm bảo cả chức năng đọc và ghi DVD</i>
11	<i>Card màn hình, âm thanh, mạng</i>	<i>Có card cho màn hình, âm thanh, mạng riêng hoặc được tích hợp trên mainboard</i>	<i>Không có các loại card màn hình, âm thanh, mạng riêng mà không được tích hợp trên mainboard</i>
12	<i>Cổng cắm USB</i>	<i>\geq 3 cổng 2 cổng</i>	<i>< 2 cổng</i>

Stt	Tên chủng loại	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
13	Khe cắm thẻ nhớ	Có khe cắm, đọc được tối thiểu 5 loại thẻ nhớ	Không có khe cắm hoặc đọc ít hơn 5 loại thẻ nhớ
14	Trọng lượng	$v\mu \leq 2,5 \text{ kg}$	$> 2,5 \text{ kg}$
15	Dung lượng pin	Đảm bảo duy trì máy ở chế độ làm việc ≥ 3 giờ	Duy trì máy ở chế độ làm việc < 3 giờ
16	Kết nối mạng nội bộ không dây (Wireless)	Có Wireless	Không có Wireless
17	Camera	Có webcam được lắp tích hợp trên máy Có webcam riêng biệt với máy tính	Không có webcam
18	Bluetooth	Có bluetooth	Không có bluetooth
19	Thiết bị kèm theo	Túi da, chuột quang và bộ nạp điện	Không đủ 3 loại: túi da, chuột quang và bộ nạp điện
<u>Về mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành</u>			
20	Bảo hành	Bảo hành của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối được ủy quyền với thời gian bảo hành 36 tháng	Không có bảo hành của nhà sản xuất hoặc đại lý phân phối được ủy quyền hoặc thời gian bảo hành < 36 tháng
<u>Về thời gian thực hiện</u>			
21	Thời gian giao hàng	≤ 2 tuần kể từ ngày ký hợp đồng	> 2 tuần kể từ ngày ký hợp đồng
22	Thời gian lắp đặt	Cùng ngày với ngày giao hàng 1 ngày sau ngày giao hàng	> 1 ngày sau ngày giao hàng
Kết luận		Đạt tất cả (22) nội dung trên	Đạt

Stt	Tên chủng loại	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
		<i>Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên</i>	

Ví dụ 4: TCDG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn: “thuê trụ sở làm việc”

ST T	Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
I	Các yêu cầu đối với tòa nhà có diện tích mặt bằng cho thuê			
1	Toà nhà thuộc trung tâm thành phố Hà Nội, có bán kính cách trụ sở công ty	$\leq 4\text{km}$	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
2	Khoảng cách từ vị trí tòa nhà đến bệnh viện gần nhất	$\leq 2\text{km}$	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
3	Khoảng cách từ vị trí tòa nhà đến trung tâm thương mại gần nhất	$\leq 2\text{km}$	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
4	Khoảng cách từ vị trí tòa nhà đến trạm xe buýt gần nhất	$\leq 500\text{m}$	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
5	Hiện trạng tòa nhà	Tòa nhà đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng trước năm 2014	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
6	Diện tích mặt bằng cho thuê	$\geq 1.100 \text{ m}^2/1 \text{ tầng}$ và $\leq 1.200 \text{ m}^2/1 \text{ tầng}$	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
7	Kết cấu tòa nhà	Diện tích cho thuê thuộc tòa nhà tối thiểu có 15 tầng, ít nhất 01 tầng hầm để	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu

		xe với các cửa ra vào riêng biệt, tối thiểu 05 thang máy chở khách, 03 thang bộ thoát hiểm		
8	Trang bị các hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> - Máy phát điện dự phòng 24/24, - Đèn chiếu sáng tiêu chuẩn, - Điều hòa trung tâm và thông gió, - Báo cháy, chữa cháy tự động, chữa cháy bằng nước và khí, - Kiểm soát an ninh với camera giám sát trang bị ở các khu vực xung quanh tòa nhà, - Điện thoại, internet băng thông rộng, tốc độ cao. 	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
9	Các dịch vụ chuyên nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng họp, hội thảo (có tối thiểu 01 phòng họp có sức chứa trên 100 người trong tòa nhà), - Có khu căn tin hoặc bếp ăn riêng biệt phục vụ dịch vụ ăn uống, giải khát cho cán bộ, nhân viên trong tòa nhà. 	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
10	Yêu cầu khác	<ul style="list-style-type: none"> - Có sảnh phía trước tòa nhà, - Cây cảnh ở khu vực công cộng, đường lên xuống tầng hầm riêng biệt, - Đường trước mặt tòa nhà là đường ô tô 02 chiều, - Trong tòa nhà không có trung tâm thương mại, chung 	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu

		cur.		
II	Các yêu cầu riêng			
1	Chỗ để xe	Có chỗ để tối thiểu 200 xe máy và 20 xe ô tô miễn phí dành cho bên thuê trong tòa nhà	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
2	Bàn giao mặt bằng	Trước tháng 01/2015	Đáp ứng yêu cầu	Không đáp ứng yêu cầu
	Đánh giá	<u>Đáp ứng</u>	Đạt tất cả các yêu cầu nêu trên	
		<u>Không đáp ứng</u>	Không đạt một trong số các yêu cầu trên	

Ví dụ 5: TCDG về mặt kỹ thuật theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn: “bảo hiểm rủi ro tài sản ngân hàng”

TT	Nội dung đánh giá	Mức điểm tối đa	Mức điểm tối thiểu
A	Kinh nghiệm và năng lực nhà thầu	48	34
1	Số năm nhà thầu thực hiện công tác bảo hiểm phi nhân thọ (Trong trường hợp liên danh sẽ đánh giá cho nhà thầu đứng đầu liên danh).	6	5
1.1	<i>Trên 10 năm.</i>	6	
1.2	<i>Từ 05 năm đến 10 năm.</i>		5
2	Nhà thầu đã và/hoặc đang thực hiện hợp đồng bảo hiểm tài sản, thiết bị điện tử và bảo hiểm tiền trong thời gian từ 01/01/2011 đến nay, nếu với tư cách nhà thầu độc lập thì hợp đồng có giá trị phí bảo hiểm tiền ≥ 4 tỷ đồng; nếu với tư cách là nhà thầu đồng bảo hiểm thì phần giá trị hợp đồng do nhà thầu đảm nhiệm có giá trị phí bảo hiểm tiền ≥ 4 tỷ đồng.	7	6
2.1	<i>Trên 3 hợp đồng.</i>	7	

2.2	3 hợp đồng.		6
3	Danh sách vụ việc giải quyết tổn thất điển hình có giá trị \geq 500 triệu đồng trong bảo hiểm tài sản và/hoặc thiết bị điện tử và/hoặc bảo hiểm tiền từ 01/01/2011 đến nay.	2	0
3.1	Trên 2 vụ việc.	2	
3.2	2 vụ việc.	1	
3.3	Dưới 2 vụ việc		0
4	Quỹ dự phòng nghiệp vụ tại thời điểm 31/12/2013.	14	10
4.1	Trên 1.000 tỷ đồng.	14	
4.2	Từ trên 500 đến 1.000 tỷ đồng.	12	
4.3	Từ trên 250 đến 500 tỷ đồng.		10
5	Bộ máy tổ chức và nhân sự thực hiện.	19	13
5.1	Nhà thầu được cấp chứng chỉ quản lý tiêu chuẩn quốc tế.	2	0
5.2	Thời gian Tổng giám đốc hoặc Giám đốc hoặc người đại diện trước pháp luật trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng (Trong đó đã giữ chức vụ ít nhất là trưởng phòng, ban nghiệp vụ tại trụ sở chính hay giám đốc chi nhánh tối thiểu ba (03) năm của Doanh nghiệp bảo hiểm).	5	4
5.2.1	Trên 5 năm	5	
5.2.2	Từ 3 đến 5 năm		4
5.2.3	Dưới 3 năm		0
5.3	Kinh nghiệm của chuyên viên xử lý tổn thất, giám định sơ bộ và giải quyết bồi thường	5	4
5.3.1	Trên 5 năm.	5	
5.3.2	Từ 3 đến 5 năm.		4
5.3.3	Dưới 3 năm		0
5.4	Nhà thầu có Công ty/Chi nhánh tại các tỉnh thành Việt Nam	7	5
5.4.1	Trên 32 tỉnh thành	7	

5.4.2	Từ 16 đến 32 tỉnh thành	6	
5.4.3	Dưới 16 tỉnh thành		5
B	Yêu cầu bảo hiểm	52	36
I	Chương trình bảo hiểm (bao gồm thực hiện + thu xếp TBH + quy trình giải quyết tổn thất)	22	12
1	Quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu	4	1
1.1	Có sơ đồ và quy trình bảo hiểm.	1	1
1.2	Đáp ứng các yêu cầu về mặt kỹ thuật bảo hiểm theo quy định của hồ sơ mời thầu (tại mục...)		
1.2.1	<i>Sơ đồ và quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu (tại mục...)</i>	3	
1.2.2	<i>Sơ đồ và quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm cho gói thầu <u>không</u> đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu (tại mục...)</i>		0
2	Yêu cầu về bảo hiểm, tái bảo hiểm	14	8
2.1	<i>Nhà thầu có bản chào phí bảo hiểm của nhà đứng đầu TBH đạt xếp hạng cao nhất theo S&P hoặc tương đương (Nhà TBH xếp hạng thấp hơn giảm 1 điểm/bậc).</i>	5	2
2.2	<i>Điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường khi có tổn thất.</i>	5	4
2.2.1	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường trên 75% khi có tổn thất.	5	
2.2.2	Nhà thầu đề xuất điều kiện tạm ứng số tiền bồi thường từ 50% đến 75% khi có tổn thất.		4
2.3	<i>Mức giữ lại của nhà thầu</i>	4	2
2.3.1	Nhà thầu có mức giữ lại cao nhất.	4	
2.3.2	Nhà thầu có mức giữ lại cao thứ 2	3	
2.3.3	Các nhà thầu còn lại.		2
3	Mức miễn thường	4	3
3.1	Mức miễn thường thấp hơn yêu cầu trong HSMT	4	
3.2	Mức miễn thường bằng yêu cầu trong HSMT.		3
II	Phạm vi, điều kiện bảo hiểm	30	24

1	Phạm vi bảo hiểm đáp ứng các yêu cầu trong HSMT (chương...)	10	10
2	Cam kết thực hiện theo quy định của HSMT (chương...)	14	14
3	Mỗi điều khoản bổ sung do nhà thầu đề xuất có lợi cho ngân hàng được cộng thêm 1 điểm nhưng tối đa không quá 6 điểm.	6	
C	Tổng số điểm	100	70

PHẦN IV - MẪU YÊU CẦU BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

*(Đính kèm theo Thông tư số: /2015/TT-BKHĐT
ngày tháng năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết
lập Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu và Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh)*

PHẦN 4
BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ
CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

Tên gói thầu: _____

Gói thầu số: _____

Dự án: _____

Phát hành ngày: _____

[điền ngày phát hành Bản yêu cầu báo giá cho nhà thầu]

Tư vấn lập Bản YCBG
(nếu có)

Chủ đầu tư

[Ghi tên, đóng dấu (nếu có)]

[Ghi tên, đóng dấu (nếu có)]

PHẦN THỨ NHẤT. YÊU CẦU CHÀO HÀNG
CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Mục 1. Phạm vi công việc

1. Tên chủ đầu tư là: _____ [*điền tên đầy đủ của chủ đầu tư*]
2. Tên bên mời thầu _____ [*điền tên đầy đủ của bên mời thầu*]
3. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn gói thầu _____ [*điền tên gói thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt*] thuộc dự án _____ [*điền tên dự án theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt*].
4. Thời gian thực hiện hợp đồng: là _____ ngày [*Ghi thời gian cụ thể theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt*].
5. Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để thực hiện gói thầu: _____ [*Ghi rõ nguồn vốn hoặc phương thức thu xếp vốn, thời gian cấp vốn để thanh toán cho nhà thầu; trường hợp sử dụng vốn ODA thì phải nêu rõ tên nhà tài trợ và cơ cấu nguồn vốn (ngoài nước, trong nước)*].
6. Phạm vi cung cấp
Phạm vi cung cấp _____ [*Ghi cụ thể phạm vi cung cấp là dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp*] bao gồm: _____ [*Ghi yêu cầu về số lượng/phạm vi cung cấp dịch vụ phi tư vấn đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, Ghi yêu cầu về số lượng/phạm vi cung cấp hàng hóa đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn. Ghi yêu cầu về hạng mục công việc xây lắp đối với gói thầu xây lắp*].

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động ;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Là doanh nghiệp cấp nhỏ hoặc siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp trong trường hợp gói thầu xây lắp;
5. Nhà thầu tham dự thầu phải:
 - a) Không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với chủ đầu tư, bên mời thầu _____ [*điền tên đầy đủ của Chủ đầu tư, Bên mời thầu*]

b) Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp;

c) Không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn sau đây: tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán; lập, thẩm định Bản Yêu cầu báo giá; đánh giá Báo giá; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu _____ [*Ghi tên nhà thầu tư vấn (nếu có), ghi tên gói thầu*];

đ) Nhà thầu tham dự thầu và các nhà thầu tư vấn quy định tại điểm c Khoản này không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

e) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty con của tập đoàn kinh tế nhà nước thì nhà thầu được phép tham dự thầu gói thầu của tập đoàn kinh tế nhà nước, các công ty con khác trong tập đoàn nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu là ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, đầu ra của công ty này là đầu vào của công ty khác.

6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;

7. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia¹⁹.

Mục 3. Thời hạn hiệu lực của báo giá

1. Thời gian có hiệu lực của báo giá là _____ ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu [*Ghi cụ thể số ngày nhưng tối đa là 180 ngày*].

2. Trong những trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của báo giá, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của báo giá. Việc gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì báo giá của nhà thầu này không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi báo giá.

Mục 4. Chuẩn bị và gửi yêu cầu báo giá

1. Bản yêu cầu báo giá được lập bao gồm các nội dung:

a) Phạm vi công việc theo quy định tại Mục 1 Phần này;

b) Thời hạn hiệu lực của báo giá quy định tại Mục 3 Phần này;

c) Yêu cầu về kỹ thuật, yêu cầu về bảo hành quy định tại Phần 2;

d) Dự thảo hợp đồng quy định tại

đ) Các nội dung cần thiết khác (nếu có).

¹⁹ Nội dung này chỉ được áp dụng sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết. Trong thời gian Bộ Kế hoạch và Đầu tư chưa ban hành văn bản hướng dẫn, các chủ đầu tư không được đưa nội dung đánh giá này vào trong phần đánh giá về tư cách hợp lệ của nhà thầu.

2. Báo giá do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm các thành phần sau:

- a) Đơn chào hàng theo quy định tại Mục 5 Chương này;
- b) Đề xuất kỹ thuật theo yêu cầu tại Mục 2 Chương II Phần này;
- c) Giá chào và giảm giá quy định tại Mục 6 Chương này;
- d) Các nội dung cần thiết khác (nếu có).

3. Bản yêu cầu báo giá được phát hành miễn phí theo hình thức gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện, thư điện tử (email) hoặc bằng fax.

Mục 5. Đơn chào hàng và biểu giá

Đơn chào hàng và biểu giá phải được soạn thảo theo mẫu tương ứng theo Mẫu số 01 Chương III, các biểu mẫu dự thầu. Các biểu mẫu phải được ghi đầy đủ mà không được thay đổi về mặt câu chữ, và không được phép thay thế bằng các biểu mẫu khác. Tất cả các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Mục 6. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào là giá do nhà thầu ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của Bản Yêu cầu báo giá mà không tính giảm giá. Giá chào được chào bằng đồng tiền Việt Nam.

2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì phải đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng. Trường hợp thư giảm giá thì thư giảm giá phải được để cùng trong Bản Yêu cầu báo giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp giảm giá, nhà thầu cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) hoặc bảng tiên lượng (đối với gói thầu xây lắp). Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Nhà thầu không được đề xuất giảm giá cho các khoản mục tạm tính hoặc chi phí dự phòng.

3. Nhà thầu phải ghi đơn giá chào hàng và thành tiền cho các hạng mục công việc nêu trong tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa) hoặc bảng tiên lượng (đối với gói thầu xây lắp). Nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm về việc lập đơn giá chào hàng của mình. Trường hợp nhà thầu không điền đơn giá hoặc giá trong bảng chào hàng thì sẽ được coi là nhà thầu đã cộng gộp các chi phí của hạng mục này vào trong các hạng mục khác và nhà thầu sẽ không được thanh toán giá trị cho hạng mục mà nhà thầu không điền đơn giá hoặc không điền đơn giá này. Giá chào hàng của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật. Khi chào hàng, nhà thầu có thể chào riêng phần thuế, lệ phí để bên mời thầu xem xét; trường hợp nhà thầu

không chào riêng thì bên mời thầu hiểu rằng nhà thầu đã phân bổ các chi phí về thuế, phí, lệ phí vào trong các đơn giá dự thầu và khi đánh giá Báo giá, bên mời thầu sẽ tiến hành tách phân thuế, phí, lệ phí theo suất thuế và mức lệ phí theo giá trị trong dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 7. Nộp và tiếp nhận báo giá

1. Nộp Báo giá

Nhà thầu chuẩn bị và nộp 01 Báo giá theo Bản yêu cầu báo giá đến bên mời thầu bằng cách gửi trực tiếp đến _____ [*Ghi địa chỉ nộp báo giá*], gửi qua đường bưu điện _____ [*Ghi địa chỉ nộp báo giá*], thư điện tử (email) _____ [*Ghi địa chỉ email nộp báo giá*], hoặc bằng fax _____ [*Ghi số fax nhận báo giá*] của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu là _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Ghi thời điểm đóng thầu, đảm bảo quy định thời gian từ khi phát hành Bản Yêu cầu báo giá đến thời điểm đóng thầu tối thiểu là 03 ngày làm việc*].

2. Tiếp nhận báo giá

a) Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Báo giá của từng nhà thầu.

b) Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ Báo giá nào được nộp sau thời điểm đóng thầu quy định tại Khoản 1 Mục này.

c) Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu mở công khai vào lúc _____ giờ, phút _____, ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Ghi ngày, giờ và địa điểm tiến hành việc mở thầu, trong đó cần lưu ý quy định thời điểm mở thầu trong vòng 01 giờ kể từ thời điểm đóng thầu*], tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ _____ [*Ghi địa chỉ tiếp nhận báo giá*]

d) Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ Báo giá nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ Báo giá nào mà bên mời thầu nhận được sau khi hết hạn nộp Báo giá được coi là không hợp lệ, bị loại và được trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng.

đ) Bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các Báo giá bao gồm các nội dung: Tên nhà thầu, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá. Văn bản tiếp nhận báo giá sẽ được gửi đến tất cả các nhà thầu tham dự thầu.

Mục 8. Đánh giá các báo giá

Việc đánh giá Báo giá được thực hiện theo trình tự sau đây:

1. Đánh giá tư cách hợp lệ của nhà thầu

Bên mời thầu đánh giá tư cách hợp lệ theo yêu cầu nêu trong Bản Yêu cầu báo giá. Việc đánh giá thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”.

2. Đánh giá về kỹ thuật

Bên mời thầu đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong Bản Yêu cầu báo giá. Việc đánh giá yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Báo giá vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu về kỹ thuật được đánh giá là “đạt”.

3. So sánh giá chào

a) Bên mời thầu tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) theo quy định tại Điều 17 của Nghị định 63/2014/NĐ-CP;

b) Bên mời thầu so sánh giá chào của các Báo giá đáp ứng về kỹ thuật để xác định Báo giá có giá chào thấp nhất. Nhà thầu có giá chào thấp nhất sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và không vượt giá gói thầu sẽ được xếp thứ nhất. Trường hợp cần thiết, bên mời thầu mời nhà thầu xếp thứ nhất vào thương thảo hợp đồng.

Mục 9. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Báo giá hợp lệ;
2. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II;
3. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
4. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
5. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Mục 10. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Trong thời hạn _____ ngày làm việc [*Ghi cụ thể số ngày, nhưng tối đa là 05 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*], Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax. Trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên nhà thầu trúng thầu;

- b) Giá trúng thầu;
- c) Loại hợp đồng;
- d) Thời gian thực hiện hợp đồng;

đ) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu;

e) Riêng đối với nhà thầu được lựa chọn phải bao gồm cả nội dung về kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng.

3. Trường hợp sau khi thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu theo Khoản 1 Mục này, nếu có nhà thầu không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do bị loại thì Chủ đầu tư phải có văn bản trả lời.

Mục 11. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Hợp đồng được ký kết giữa các bên phải phù hợp với quyết định phê duyệt kết quả chào hàng cạnh tranh, biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có), Yêu cầu báo giá, Báo giá và các tài liệu liên quan khác. Trong trường hợp liên danh, hợp đồng được ký kết phải bao gồm chữ ký của tất cả các thành viên liên danh.

Mục 12. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

1. Nhà thầu có quyền kiến nghị về kết quả chào hàng và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật Đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/2014/NĐ-CP.

2. Địa chỉ nhận kiến nghị

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư: _____ [*Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ*].

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: _____ [*Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ*].

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn: _____ [*Ghi địa chỉ nhận đơn, số fax, điện thoại liên hệ*].

Mục 13. Xử lý vi phạm

Trường hợp nhà thầu có các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì căn cứ theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG II

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ

MỤC 1. KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSĐT

1.1. Kiểm tra Báo giá

Kiểm tra các thành phần của Báo giá, bao gồm: Đơn chào hàng, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn chào hàng (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; đề xuất về kỹ thuật; giá chào hàng và các thành phần khác thuộc Báo giá theo quy định tại Khoản 2 Mục 4 Chương I.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Báo giá

Báo giá của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Bản Yêu cầu báo giá; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật; giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời thầu. Đối với nhà thầu liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;

b) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật;

c) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;

d) Thời hạn hiệu lực của Báo giá đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bản YCBG;

đ) Không có tên trong hai hoặc nhiều Báo giá với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh);

e) Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung

công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện;

g) Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

h) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 của Chương I.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật

Áp dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt” đối với TCDG về kỹ thuật.

Căn cứ tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung đều được đánh giá là “đạt”.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và các yêu cầu khác nêu trong Yêu cầu báo giá. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập hồ sơ mời thầu phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật.

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu xây lắp

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung về khả năng đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ thiết kế, mô tả công việc mời thầu, uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó và các yêu cầu khác nêu trong Bản Yêu cầu báo giá. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập Bản Yêu cầu báo giá phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Các biện pháp bảo đảm chất lượng;

- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó;

- Các yếu tố cần thiết khác.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu mua sắm hàng hóa

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 hoặc 1.000 để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật, trong đó phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết khi sử dụng phương pháp chấm điểm. Căn cứ vào quy mô tính chất của gói thầu mà quy định các tiêu chí đánh giá về kỹ thuật cho phù hợp bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;

- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

- Khả năng cung cấp tài chính (nếu có yêu cầu);

- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyên giao công nghệ;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa;

- Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó;

- Các yếu tố cần thiết khác.

2.3. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và quy định tại các Khoản 3.1 và 3.2 Mục này để xác định tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cho phù hợp.

Mục 3. Xác định giá chào

Sử dụng phương pháp giá thấp nhất để so sánh giá chào trong Báo giá của các nhà thầu. Cách xác định giá chào thấp nhất được xác định theo Bảng dưới đây cho phù hợp:

Bước 1: Xác định giá chào

Bước 2: Sửa lỗi

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch

Bước 4: Giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có)

Bước 5: Giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có) có tính đến giá trị ưu đãi (nếu có)²⁰

Bước 6: So sánh giữa các Báo giá để xác định giá chào thấp nhất

²⁰ Trường hợp đối với hàng hóa trong nước, hàng hóa sẽ được hưởng ưu đãi theo quy định tại Điều 5 Nghị định 63/2014/NĐ-CP

CHƯƠNG III

CÁC BẢN VẼ

(được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

Chương này liệt kê các bản vẽ⁽¹⁾.

Stt	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản / ngày phát hành
1			
2			
3			
4			
...			

Ghi chú:

(1) Chủ đầu tư căn cứ vào pháp luật về xây dựng để đưa ra danh mục các bản vẽ cho phù hợp.

PHẦN THỨ HAI. BÁO GIÁ

Mẫu số 01

Đơn chào hàng

Ngày: [điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Tên dự án: _____ [Ghi tên dự án]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu Yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi Yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽¹⁾ cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽²⁾.

Chúng tôi cam kết chỉ tham gia trong một Báo giá này với tư cách là nhà thầu chính;

Chúng tôi cam kết không đang trong quá trình giải thể ; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật ;

Chúng tôi cam kết không có những hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu ;

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 9 Dự thảo Hợp đồng.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____ [Ghi thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁴⁾

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu⁽⁵⁾]

Ghi chú:

(1) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không để

xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(2) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và Biểu tiến độ thi công nêu trong Yêu cầu báo giá.

(3) Thời gian có hiệu lực của Báo giá được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong Yêu cầu báo giá. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Phần này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên nhà thầu*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà thầu*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia đấu thầu gói thầu ____ [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án ____ [*Ghi tên dự án*] do ____ [*Ghi tên Bên mời thầu*] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia lựa chọn nhà thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Yêu cầu báo giá và văn bản giải trình, làm rõ Báo giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên nhà thầu*]. ____ [*Ghi tên nhà thầu*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật
của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn chào hàng theo quy định tại Mục 4 Phần thứ nhất. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công

việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia lựa chọn nhà thầu.

Biểu giá chào hàng hóa và lịch hoàn thành
(Được áp dụng đối với gói thầu hàng hóa)

Hạng mục chính số/Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Nguồn gốc, xuất xứ, hàng hóa	Thời hạn bảo hành	Thời gian giao hàng	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá chào hàng	Tổng giá của hạng mục chính (Cột 7x8)	Tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
<i>[điền số hiệu của hạng mục]</i>	<i>[điền tên hàng hóa]</i>	<i>[điền ký, mã hiệu, nhãn mác sản phẩm]</i>	<i>[điền nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa]</i>	<i>[điền thời hạn bảo hành]</i>	<i>[điền thời gian giao hàng]</i>	<i>[điền số lượng đơn vị hàng hóa sẽ được cung cấp và đơn vị tính]</i>	<i>[điền đơn giá]</i>	<i>[điền tổng giá cho hạng mục chính]</i>	<i>[Ghi tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật tương ứng trong HSYC]</i>
1									
2									
3									
							Cộng		
							Thuế		
							Phí (nếu có)		
							Tổng cộng		

Tên Nhà thầu *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]*

Chữ ký của Nhà thầu *[chữ ký của người ký Báo giá]*

Ngày *[điền ngày]*

Biểu giá chào dịch vụ phi tư vấn và Lịch hoàn thành

(Được áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn)

Dịch vụ số	Mô tả dịch vụ phi tư vấn	Địa điểm nơi thực hiện dịch vụ	Ngày chính thức hoàn thành dịch vụ	Khối lượng và đơn vị tính	Đơn giá chào	Tổng giá cho dịch vụ (Cột 5x6 hoặc ước tính)	Tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật
1	2	3	4	5	6	7	
<i>[điền số hiệu dịch vụ phi tư vấn]</i>	<i>[điền tên Dịch vụ phi tư vấn]</i>	<i>[điền tên địa điểm]</i>	<i>[điền ngày chính thức hoàn thành dịch vụ]</i>	<i>[điền số lượng đơn vị dịch vụ phi tư vấn sẽ được cung cấp và đơn vị tính]</i>	<i>[điền đơn giá cho hạng mục]</i>	<i>[điền tổng giá của hạng mục]</i>	<i>[Ghi tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật tương ứng trong HSYC]</i>
1							
2							
3							
Cộng							
Thuế							
Phí (nếu có)							
Tổng cộng							

Tên Nhà thầu *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]*

Chữ ký của Nhà thầu *[chữ ký của người ký Báo giá]*

Ngày *[điền ngày]*

Biểu giá chào xây lắp và Lịch hoàn thành
(Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

BIỂU TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung công việc	Tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật <small>[Ghi tham chiếu yêu cầu về kỹ thuật tương ứng trong HSYC]</small>	Thành tiền	Tiến độ hoàn thành ²¹
1	Công tác thoát nước (Biểu giá chi tiết 1)			
2	Công tác nền đường (Biểu giá chi tiết 2)			
3	Công tác xử lý nền đất yếu (Biểu giá chi tiết 3)			
...				
Cộng				
Thuế (áp dụng đối với trường hợp đơn giá trong biểu giá chi tiết là đơn giá trước thuế)				
Phí (nếu có)				
Tổng cộng				

Tổng cộng: _____ [Ghi bằng số]

Bằng chữ: _____

Ghi chú: Biểu tổng hợp giá dự thầu được lập trên cơ sở các biểu chi tiết

Tên Nhà thầu [điền tên đầy đủ của Nhà thầu] Chữ ký của Nhà thầu [chữ ký của người ký Báo giá] Ngày [điền ngày]

²¹ Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình thì điền cột này để nêu yêu cầu tiến độ hoàn thành.

BIỂU CHI TIẾT GIÁ CHÀO

Số hiệu hạng mục chính	Hạng mục công việc xây lắp	Khối lượng mời thầu	Đơn giá chào hàng	Tổng giá của hạng mục chính (Cột 3x4)	Chi phí thực hiện và các dịch vụ khác cần thiết để hoàn thành công trình đến đích cuối cùng	Tổng giá của hạng mục chính (Cột 5+6)
1	2	3	4	5	6	7
<i>[điền số hiệu của hạng mục]</i>	<i>[điền tên hạng mục xây lắp như bảng tiên lượng mời thầu]</i>	<i>[điền khối lượng mời thầu được nêu trong Bảng tiên lượng mời thầu]</i>	<i>[điền đơn giá]</i>	<i>[điền tổng giá cho hạng mục chính]</i>	<i>[điền chi phí tương ứng cho hạng mục chính]</i>	<i>[điền tổng giá cho hạng mục]</i>
1						
2						
3						
Tổng cộng						

Tên Nhà thầu *[điền tên đầy đủ của Nhà thầu]* Chữ ký của Nhà thầu *[chữ ký của người ký Báo giá]* Ngày *[điền ngày tháng năm]*

Ghi chú: Trường hợp nhà thầu phát hiện tiên lượng chưa chính xác so với thiết kế, nhà thầu thông báo cho bên mời thầu và lập một bảng riêng cho phần khối lượng sai khác này để chủ đầu tư xem xét, không ghi chung vào biểu này.

HỢP ĐỒNG ¹

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: _____ [Ghi tên dự án]

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14/6/2005];

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013];

- Căn cứ ⁽²⁾ ____ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng (nếu có) đã được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ ;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____
(trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]: _____

Địa chỉ: _____

⁽¹⁾ Căn cứ tính chất của gói thầu, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi hoàn thiện có sự khác biệt so với dự thảo hợp đồng.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (*trường hợp được ủy quyền*) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các _____ [*Ghi dịch vụ phi tư vấn hoặc hàng hóa hoặc xây lắp*] được nêu tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng

Hồ sơ hợp đồng bao gồm các tài liệu sau:

1. Văn bản hợp đồng;
2. Phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có);
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
5. Báo giá và các văn bản làm rõ Báo giá của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
6. Yêu cầu báo giá và các tài liệu bổ sung Yêu cầu báo giá (nếu có);
7. Các tài liệu có liên quan (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện của hợp đồng.

2. Chủ đầu tư chỉ định Ông/Bà _____ [*Ghi rõ họ tên*] là cán bộ phụ trách của chủ đầu tư để điều phối các hoạt động thuộc phạm vi của hợp đồng này.

Điều 4. Trách nhiệm của Nhà thầu

Nhà thầu cam kết cung cấp cho Chủ đầu tư đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: _____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*]. Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

Biểu giá hợp đồng nêu tại Phụ lục hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các hạng mục công việc mà nhà thầu phải thực hiện và đơn giá của các hạng mục đó.

Trường hợp khối lượng công việc mà nhà thầu phải thực hiện để hoàn thành theo thiết kế nhiều hơn hoặc ít hơn khối lượng nêu trong biểu giá hợp đồng (nếu có) không làm thay đổi giá hợp đồng.¹

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, séc, hoặc chuyển khoản...*].

b) Thời hạn thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].

c) Số lần thanh toán _____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: _____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với Khoản 2 Mục 1 Chương I, Báo giá và kết quả hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên (nếu có)*].

¹ Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu, ví dụ: Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng là ___ ngày trước khi ký hợp đồng*]

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ [*Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói thầu mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc (bằng tiền mặt hoặc Séc, ký quỹ hoặc nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng được thành lập theo pháp luật Việt Nam)*].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: _____ % giá trúng thầu [*Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng từ 2% đến 3% giá trúng thầu*].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày _____ tháng _____ năm _____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn này, ví dụ: Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải có hiệu lực cho đến khi toàn bộ hàng hóa được bàn giao, hai bên ký biên bản nghiệm thu và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định*].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư khi Nhà thầu không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Chủ đầu tư.

3. Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu trong thời hạn: _____ [*Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu*].

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

- a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc

theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;

b) Nhà thầu bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo Điểm a Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Nhà thầu đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo Điểm b Khoản 1 Điều này, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn¹

1. Nhà thầu phải cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ phi tư vấn và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong Yêu cầu báo giá, cụ thể là: _____ [*Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói thầu mà nêu cụ thể về việc giao hàng và các tài liệu, chứng từ kèm theo*].

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa/cung cấp dịch vụ phi tư vấn: _____ [*Nêu yêu cầu về vận chuyển hàng hóa/cung cấp dịch vụ phi tư vấn, bao gồm cả địa điểm giao hàng căn cứ yêu cầu và tính chất của gói thầu*].

3. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc dịch vụ phi tư vấn được cung cấp để đảm bảo hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm: _____ [*Ghi thời gian, địa điểm, cách thức tiến hành, chi phí cho việc kiểm tra, thử nghiệm... cũng như quy định về cách thức xử lý hàng hóa hoặc dịch vụ phi tư vấn không đạt yêu cầu qua kiểm tra, thử nghiệm*]. Trường hợp hàng hóa hoặc dịch vụ phi tư vấn không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa hoặc dịch vụ phi tư vấn không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa hoặc dịch vụ phi tư vấn của chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.

¹ Được áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn hoặc hàng hóa

Điều 12. Bảo hành¹

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau: _____ [*Nêu yêu cầu về bảo hành (nếu có) như sau: thời hạn bảo hành, phiếu bảo hành kèm theo, cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành...*].

Điều 13. Bảo hành công trình²

1. Thời gian bảo hành công trình là _____ [*Ghi thời gian bảo hành công trình*] được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng đã hoàn thành để đưa vào sử dụng. Thời gian bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.

2. Yêu cầu về bảo hành công trình: _____ [*Ghi yêu cầu về bảo hành công trình theo quy định của pháp luật về xây dựng*].

3. Trong thời gian bảo hành, chủ đầu tư cần thông báo cho nhà thầu về những hư hỏng liên quan tới công trình do lỗi của nhà thầu gây ra. Nhà thầu có trách nhiệm khắc phục các sai sót bằng chi phí của nhà thầu trong khoảng thời gian do chủ đầu tư quy định.

4. Trường hợp nhà thầu không khắc phục sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định, chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà thầu sẽ phải hoàn trả chi phí này.

Điều 14. Bảo hiểm³

Yêu cầu về bảo hiểm như sau: _____ [*Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu để nêu yêu cầu về bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm công trình phù hợp với pháp luật xây dựng đối với cả chủ đầu tư và nhà thầu. Ví dụ, kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của nhà thầu...*]

Điều 15. An toàn⁴

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho tất cả các hoạt động tại công trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Tư vấn giám sát⁵

1. Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong

¹ Được áp dụng đối với gói thầu hàng hóa

² Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp

³ Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp

⁴ Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp

⁵ Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp

hợp đồng.

2. Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà thầu về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà thầu phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

3. Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu.

Điều 17. Chất lượng vật tư, thiết bị ¹

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả vật tư và thiết bị theo đúng yêu cầu kỹ thuật.

Điều 18. Xử lý sai sót ²

Tư vấn giám sát phải chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá chất lượng các công việc của nhà thầu. Trường hợp phát hiện sai sót, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu xem xét tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục. Việc kiểm tra nói trên không ảnh hưởng tới nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

Điều 19. Giải quyết tranh chấp

1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: _____ [*Ghi cụ thể thời gian*] kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: _____ [*Ghi cơ chế xử lý tranh chấp*].

Điều 20. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ _____ [*Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành _____ bộ, chủ đầu tư (*đối với dự án*) hoặc bên mời thầu (*đối với dự toán mua sắm*) giữ _____ bộ, nhà thầu giữ _____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ
[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

¹ Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp

² Được áp dụng đối với gói thầu xây lắp

PHỤ LỤC

DANH MỤC DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN HOẶC HÀNG HÓA

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở Yêu cầu báo giá, báo giá và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm danh mục hàng hóa được cung cấp].

Danh mục dịch vụ phi tư vấn hoặc hàng hóa:

1....

2....

3....

...

BIỂU GIÁ

(được áp dụng đối với gói thầu xây lắp)

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày ____ tháng ____ năm ____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu của Yêu cầu báo giá, Báo giá và những thoả thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm biểu giá cho từng hạng mục, nội dung công việc. Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà biểu giá có thể bao gồm nhiều phần]